TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH GIA LAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/HS-PT
Ngày: 27-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy

Ông Trần Văn Thưởng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy Trường là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Kiều Ngân và ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2026/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo Trần Thị T, Lê Hữu T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2026/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/10/1970 tại Hà Tĩnh; số CCCD: 042170009498; nơi cư trú: A B, Tổ E, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường P, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn D (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1936; có chồng: Lê Hữu T1, sinh năm 1969 (là bị cáo thứ hai trong vụ án) và 02 người con, lớn sinh năm 1995 và nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/01/2025 đến ngày 03/02/2025, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Hữu T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/11/1969 tại Hà Tĩnh; số CCCD: 042069011346; nơi cư trú: Tổ E, phường H, TP ., tỉnh Gia Lai (nay là phường P, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Lê Hữu P (đã chết) và bà: Lê Thị H (đã chết); có vợ: Trần Thị T, sinh năm 1970 (là bị cáo thứ nhất trong vụ án) và 02 người con, lớn sinh năm 1995 và nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/01/2025 đến ngày

03/02/2025, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

1. Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T và bị cáo Lê Hữu T1:

1.1. Ông Nguyễn Bá H1, sinh năm 1989. Có mặt

1.2. Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1975. Vắng mặt

1.3. Bà Vũ Việt A, sinh năm 1999. Vắng mặt

1.4. Bà Nguyễn Thanh M. Có mặt

Là các Luật sư của Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Tầng D, số A đường T, phường M, quận C, Thành phố Hà Nội.

2. Bị hại:

2.1. Bà Hồ Thị P1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ dân phố H, xã P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số B đường số F, khu phố Z, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2.3. Ông Đỗ Bách K, sinh năm 1980. Địa chỉ: F T, Tổ B, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2.4. Anh Nguyễn Duy T2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ F, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2.5. Bà Nguyễn Trà V, sinh năm 1978. Địa chỉ: D M, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2.6. Anh Trịnh Đăng T3, sinh năm 1999. Địa chỉ: D N, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2.7. Ông Trần Văn C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ F, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Hồ Thị P1:

Bà Nguyễn Thị Thanh L1, sinh năm 1981 là Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Số A H, phường B, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

4.1. Ông Trần Danh N1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ B, phường C, Thành phố P, tỉnh Gia Lai (nơi làm việc: Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động số A2, tổ B, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Có mặt

4.2. Ông Nguyễn Tá K1, sinh năm 1979. Địa chỉ: A N, Tổ G, phường T, thành phố P (nay là phường H), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4.3. Ông Đinh Viết D1, sinh năm 1958. Địa chỉ: B L, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4.4. Anh Lê Hữu H2, sinh năm 1995. Địa chỉ: A B, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4.5. Ông Nguyễn Sỹ H3, sinh năm 1978. Địa chỉ: G L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

5. Người tham gia tố tụng khác:

5.1. Người làm chứng:

- Anh Đinh Xuân Q, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ B, phường T, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Ông Lê Thanh B, sinh năm 1984. Địa chỉ: A N, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh Phạm Văn L2, sinh năm 1998. Địa chỉ: 1 P, phường T, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Ông Phạm H4, sinh năm 1983. Địa chỉ: D N, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh Nguyễn Ngọc T4, sinh năm 1987. Địa chỉ: Làng J, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Ông Trương Huy B1, sinh năm 1979. Địa chỉ: B N, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh R'Ô Hok, sinh năm 1993. Địa chỉ: Plei A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Ông Lưu Đức M1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ F, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay phường H, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt

- Bà Lê Thị N2, sinh năm 1968. Địa chỉ: 4 Đ, phường D, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh Phạm Đình H5, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ dân phố F, xã P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

5.2. Điều tra viên:

Ông Triệu Đỗ Trường S – Điều tra viên thuộc cơ quan: Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G. Địa chỉ: Số A C, phường Q, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

5.3. Người giám định:

Ông Bùi Huy P2 và bà Lê Vân A1 - Giám định viên tư pháp được thành lập Theo Quyết định số 386/QĐ-SVHTTDL ngày 26/6/2025 của Sở Văn Hóa , thể Thao và Du lịch tỉnh G. Địa chỉ: Số C L, phường Q, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi lợi dụng quyền tự do ngôn luận xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị P1:

Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 24, diện tích 329m² tại khu Q, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Hồ Thị P1 theo

Giấy nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 481630 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 17 tháng 01 năm 2022.

Ngày 23 tháng 4 năm 2023, bà Hồ Thị P1 và Trần Thị T ký kết hợp đồng đặt cọc để nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên với giá mười ba tỷ đồng. Trần Thị T đã giao trước cho bà P1 số tiền đặt cọc là một tỷ đồng. Hai bên thống nhất đến ngày 23 tháng 5 năm 2023 sẽ tiến hành thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán toàn bộ số tiền còn lại. Hợp đồng đặt cọc có thỏa thuận rõ về quyền, nghĩa vụ, chế tài phạt cọc, đồng thời quy định bà P1 có quyền ủy quyền cho người khác ký hợp đồng chuyển nhượng và T có quyền chỉ định người khác đứng tên trên giấy chứng nhận.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, bà Hồ Thị P1 cùng chồng là ông Nguyễn Xuân Á lập hợp đồng ủy quyền (được công chứng hợp pháp) cho con trai là ông Nguyễn Xuân Á thực hiện thủ tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Trần Thị T. Ngày 22 tháng 5 năm 2023, bà P1 liên lạc thông báo cho T biết việc ủy quyền này và hẹn thời gian ký kết tại Văn phòng C2 vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 23 tháng 5 năm 2023 thì T đồng ý.

Đúng hẹn, ngày 23 tháng 5 năm 2023, ông Nguyễn Xuân Á đến Văn phòng C2 để ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, Trần Thị T đã từ chối ký kết với lý do bà P1 vi phạm thỏa thuận đặt cọc: không trực tiếp có mặt; ủy quyền không thông báo trước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa cập nhật số căn cước công dân của bà P1, chưa thể hiện tên ông Nguyễn Xuân Á là đồng chủ sử dụng và ông Á không cho T xem trước bản gốc các giấy tờ. Giao dịch chuyển nhượng tài sản chính thức bất thành từ thời điểm này.

Sau khi giao dịch không thực hiện được, giữa Trần Thị T và bà Hồ Thị P1 phát sinh mâu thuẫn gay gắt, không thống nhất được phương án giải quyết đối với số tiền một tỷ đồng tiền cọc.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, Trần Thị T làm đơn tố giác bà P1 có hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G. Qua kiểm tra, xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G lần lượt ban hành Thông báo số 1083 ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Thông báo số 1834 ngày 31 tháng 10 năm 2023 (thay thế Thông báo số 1083), khẳng định vụ việc là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra, và hướng dẫn Trần Thị T khởi kiện đến Tòa án nhân dân để được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Do không đòi được tiền đặt cọc và không chấp nhận hướng dẫn của cơ quan chức năng, Trần Thị T đã tự ý thuê người vận chuyển, đặt một thùng container, xe ô tô cũ cùng các vật dụng khác lên thửa đất số 192 của bà P1 nhằm bao chiếm thực địa. Dù Ủy ban nhân dân phường H đã nhiều lần tổ chức hòa giải, làm việc nhưng không đạt kết quả. Ngoài ra, ngày 05/02/2024, Trần Thị T cho anh Phạm Đình H5 thuê đất và đã số tiền 8.000.000 đồng. Liên quan đến số tiền này, anh H5 đã khởi kiện vụ án dân sự và đã được Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai thụ lý.

Đồng thời, Trần Thị T thông qua tài khoản mạng xã hội Facebook tên "Tâm Phát" để liên tục đăng tải, phát tán công khai các bài viết có nội dung:

Bài viết ngày 19/7/2023 có nội dung:

"Góc cảnh báo lừa đảo, lô đất phía dưới T mua của bà P1 được văn bản thông báo đóng dấu đỏ của công an về việc Bà P1 (bên A) không đi ký đất cho tôi ngày ra công chứng là vi phạm hợp đồng đặt cọc, tôi đã nhiều lần đến lấy lại tiền cọc nhưng bà quyết nuốt trắng luôn không trả cho tôi. Tôi đã làm đơn kiện lên tòa án. Trong thời gian này, rất mong mn cảnh giác khẩn cấp không ký mua bán với Bà P1 để tránh rủi ro bị lừa đảo như tôi"; bài viết được đính kèm hình ảnh bà Hồ Thị P1, Thông báo trả lời số 1083 của Phòng C3 Công an tỉnh G, hợp đồng đặt cọc, sao kê tài khoản ngân hàng chuyển tiền, Thông báo gấp …

Bài viết ngày 19/9/2023 có nội dung:

"Container của nhà mới mua quá đẹp. đặt đất đẹp ở bờ kè lô mua 13 tỷ. Thực tế nhà mua được rất rẻ nha cả nhà. Ko phải giá 13 tỷ hj hj. Trời cho", bài viết được đính kèm hình ảnh chụp container do T đặt trên thửa đất số 192 của bà P1.

Bài viết ngày 12/11/2023 có nội dung:

"Đám cưới này to như thế này là nhờ tiền xương máu một tỉ bạc của tôi nè mọi người lừa tôi bán đất rồi không ký không trả tiền lại cướp đây nè mọi người"; bài viết được đính kèm video clip đám cưới của con bà P1 tại thị trấn P, tỉnh Gia Lai

Trước việc uy tín, danh dự bị xâm phạm nghiêm trọng trên không gian mạng, ngày 22 tháng 02 năm 2024, bà Hồ Thị P1 đã đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc. Nhận thấy các bài viết có nguy cơ bị gỡ bỏ, xóa dấu vết (thực tế đến ngày 01 tháng 3 năm 2024 T đã tạm gỡ các bài viết này), để bảo vệ quyền lợi hợp pháp và thiết lập chứng cứ tố tụng, bị hại Hồ Thị P1 đã yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại tiến hành kiểm tra internet, ghi nhận hiện trạng các bài viết, hình ảnh, video và lập các Vi bằng chính thức để giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tuy nhiên, sau khi làm việc với Cơ quan điều tra về, Trần Thị T từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2024, T tiếp tục thông qua tài khoản mạng xã hội Facebook tên "Tâm Phát" để liên tục đăng tải, phát tán công khai các bài viết có nội dung:

Bài viết ngày 18/3/2024 có nội dung:

"Cả nhà hãy tránh ra lô đất này nhé T đã đặt cọc 1tỷ. Không ký không trả cọc này giờ đang lừa nhiều người để bán lấy tiền nữa nè dính vô là mất tiền đó cả nhà nhé. Đi kiện thua bây giờ làm càn"; bài viết được đính kèm hình ảnh bà P1, Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 481630, hợp đồng đặt cọc giữa T và bà P1.

Bài viết ngày 14/6/2024 có nội dung:

"Thư gửi lời cảm ơn đến Phòng C3 (PC02) - Công an tỉnh G đã làm rõ và đính chính việc bà Nguyễn Thị H7 không giao 4 thửa đất cho bà Trần Thị T là Vi phạm hợp đồng quyền sử dụng đất. Vậy tôi Trần Thị T đăng bài này lên đây tuyên bố và khẳng định cam kết bằng mọi giá phải diệt sạch bọn lừa đảo này.

Thông tin cho mọi người buôn bán, giao dịch BĐS tránh xa 2 kẻ lừa đảo bà P1 và Bà H7 này ra. Hiện lô đất Bà H7 đã bán cho T lại bán cho ông Đỗ Bách K là hành vi không có đạo đức. Nhiều nguồn thông tin cho biết tình trạng này được bà H7 sử dụng với nhiều người và nhiều lô đất khác để nhằm chiếm đoạt tài sản"; bài viết được đính kèm hình ảnh bà Hồ Thị P1, Thông báo trả lời của Phòng C3 Công an tỉnh G.

Vào các ngày 29 tháng 7 năm 2024 và ngày 07 tháng 8 năm 2024, khi bà Hồ Thị P1 chủ động thuê Văn phòng T7 đến di dời các tài sản trái phép (container, xe cũ) do T đặt trên đất của mình. Trần Thị T đã đến hiện trường lớn tiếng, ngăn cản, gây mất an ninh trật tự và cản trở giao thông.

Ngay sau đó, từ ngày 29 tháng 7 năm 2024 đến ngày 17 tháng 8 năm 2024, Trần Thị T tiếp tục sử dụng tài khoản Facebook "Tâm Phát" đăng tải hàng loạt bài viết:

Bài viết đăng tải vào lúc 13 giờ 53 phút ngày 29/7/2024 có nội dung:

"Gấp gấp bà Hồ Thị P1 ở tổ H P Pleiku G với 1nhom người có học. Ls nhà báo. Vệ si,, B2. đã ăn cướp hai cái container của bà T với hai cái dù to và một mái che để bán cà phê 20 cái cây và dụng cụ để bán cà phê tất cả trong hai container đã thuê một nhóm người ăn cướp giữa ban ngày thuê một giàn bảo vệ từ Đắk Lắk sang ăn cướp thẳng luôn, giờ nhờ cơ quan ban ngành ở thành phố P tỉnh Gia Lai bắt tội phạm. Tất cả mọi người đừng mua lô đất đó nha đang tranh chấp với tôi nên là mua là bước vào vòng lao lý đấy nên mọi người đừng có vướng nhé"; bài viết được đính kèm hình ảnh một số người đứng trên thửa đất số 192 của bà P1

Bài viết đăng tải vào lúc 16 giờ 09 phút ngày 29/7/2024 có nội dung:

"Đi ăn trộn có tổ chức. Cướp của tôi ở Gia Lai đưa qua Đắk Lắk để tẩu tán tài sản của tôi, C1 bắt được người ăn cướp là đăng lên mạng ai làm được gì. Chỉ có được thưởng) Bắt được người phụ nữ này ăn trộm rồi nha cả nhà rồi nhé đó là bà H6 thì P1) (bà hồ thị phụng mặc áo rằn ri, cùng nhóm người có học mà ko có đạo Đức đi ăn cúop) bà này chuyên bắt nạt dân phủ T5,,, cướp hai công-tainer trị giá 131 triệu hai cây dù 8 triệu 2 cây xương rồng to trị giá 8 triệu và 18 cây cảnh trị giá 10 triệu cộng với tất cả đồ trong container trị giá 30 triệu cộng với một giàn sắt trị giá 53 triệu. Hai bảng hiệu 10 tr, cái này thì khung Hơi đậm"; bài viết được đính kèm hình ảnh và video việc bà P1 thuê người di dời container trên thửa đất số 192.

- Bài viết ngày 17/8/2024 có nội dung:

"Đoàn ăn cướp đã thành công .,, với bà hồ thị phụng tổ H P, đội ăn cướp hoành tráng quá. Và tiếp theo sẻ là lá là la"; bài viết đính kèm hình ảnh bà P1, ông Bùi Đức S1 và nhân viên Văn phòng T8 (được bà P1 thuê di dời tài sản).

Toàn bộ các bài viết trong giai đoạn sau này tiếp tục được bị hại yêu cầu Thừa phát lại lập Vi bằng kịp thời để làm căn cứ xử lý hình sự.

2. Hành vi lợi dụng quyền tự do ngôn luận xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H7:

Bà Nguyễn Thị H7 là chủ sử dụng hợp pháp đối với bốn thửa đất (gồm các thửa số 81, 82, 84 và 86, tờ bản đồ số 79, tọa lạc tại phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai) theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 152741, DI 152742, DI 152743 và DI 152744.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, bà Nguyễn Thị H7 và Trần Thị T ký kết hợp đồng đặt cọc thỏa thuận chuyển nhượng bốn thửa đất nêu trên với giá mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng, số tiền đặt cọc là 02 tỷ đồng. Hợp đồng quy định rõ về quyền, nghĩa vụ, chế tài mất cọc, phạt cọc và ghi nhận việc Trần Thị T đã tìm hiểu đầy đủ thông tin pháp lý về các thửa đất. Sau đó, Trần Thị T đã đặt cọc và thanh toán trước cho bà H7 tổng số tiền năm tỷ đồng.

Theo thỏa thuận, sáng ngày 15 tháng 8 năm 2023, bà Nguyễn Thị H7 cùng bà Nguyễn Thị Thanh H7 đến Phòng C4 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai để thực hiện hợp đồng. Bà Nguyễn Thị H7 yêu cầu Công chứng viên soạn thảo trước bốn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong đó bên nhận chuyển nhượng được chỉ định là các con của Trần Thị T gồm Lê Thị Thanh H8 và Lê Hữu H2. Do bận việc cá nhân, bà Nguyễn Thị H7 đã ký trước vào mục "Bên chuyển nhượng" tại bốn hợp đồng, giao bản gốc bốn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh H7 giữ, nhờ bà Thanh H7 ở lại chờ khi nào Trần Thị T chuyển đủ mười tỷ năm trăm triệu đồng còn lại thì giao toàn bộ giấy tờ, rồi bà Nguyễn Thị H7 ra về trước.

Một lúc sau, Trần Thị T cùng Lê Thị Thanh H8 và Lê Hữu H2 đến Phòng công chứng thực hiện việc ký xác nhận vào mục "Bên nhận chuyển nhượng". Tuy nhiên, sau khi ký xong, giữa Trần Thị T và bà Nguyễn Thị H7 (thông qua người đại diện là bà Nguyễn Thị Thanh H7) phát sinh bất đồng, không thống nhất được phương thức giao nhận số tiền mười tỷ năm trăm triệu đồng và bản gốc các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà Nguyễn Thị Thanh H7 đã rút yêu cầu công chứng.

Nhằm thiện chí giải quyết dứt điểm hợp đồng, bà Nguyễn Thị H7 liên tục liên lạc và chủ động hẹn Trần Thị T quay lại Phòng C4 tỉnh Gia Lai vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày (15 tháng 8 năm 2023) và tiếp tục hẹn vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 16 tháng 10 năm 2023 để giao tiền, nhận giấy chứng nhận, nhưng Trần Thị T đều không đến. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên chính thức không ký kết và không thực hiện được. Giữa bà Nguyễn Thị H7 và Trần Thị T cũng không thống nhất được việc giải quyết số tiền 5 tỷ đồng.

Do thủ tục chuyển nhượng với Trần Thị T không hoàn tất và cần tiền giải quyết công việc, ngày 14 tháng 12 năm 2023, bà Nguyễn Thị H7 đã lập thủ tục chuyển nhượng hợp pháp bốn thửa đất nêu trên cho ông Đỗ Bách K. Việc chuyển nhượng này đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G – Chi nhánh thành phố P cập nhật chỉnh lý biến động hợp pháp vào ngày 20 tháng 12 năm 2023.

Bực tức vì cho rằng bà Nguyễn Thị H7 cố tình không chuyển nhượng đất và chiếm đoạt năm tỷ đồng tiền đặt cọc của mình, trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 14 tháng 6 năm 2024, Trần Thị T đã liên tục sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook cá nhân tên "Tâm Phát" đăng tải, chia sẻ công khai nhiều bài viết:

Bài viết ngày 01/02/2024 có nội dung: *"giàu bằng thủ đoạn này .nhưng củng ký xong rồi hjhj";* bài viết đính kèm hình ảnh của bà Nguyễn Thị H7 và ảnh chụp hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất.

Bài viết ngày 27/3/2024 có nội dung:

"Đây là e gái và vợ tập đoàn L5 cướp 5 tỷ tiền chồng đất rồi bỏ trốn. thuê xh đen đến tấn công quá khủng kiếp cướp ngày. ủy quyền cho c là Nguyễn thị H9 . bán lại cho ông để đăng khoa hiệu trưởng chi lăng gia lai. Cần tìm gấp, nhiều người bảo tôi bạn ko kiện được họ bởi vì họ làm lớn quen biết rộng, tôi ko biết quen ai hay ko mà thấy quen xh đen nhiều quá trời luôn. Để bảo vệ họ. họ ko sợ nhân quả. Vậy thôi để tôi đưa họ lên mạng cho lẹ vậy"; bài viết đính kèm video có hình ảnh bà Nguyễn Thị H7.

Bài viết ngày 31/3/2024 có nội dung:

"hình ảnh của một con giả đóng vai đến công chứng để chiếm đoạt tài sản. không một ai đến công chứng rồi bảo người ta tự quay qua quay lại chỗ công chứng như thế này để ký rồi. cầm 4 bìa đỏ bỏ trốn cướp 5 tỷ. đưa xh đen đến giử. Cùng c là Nguyễn Thị H9 là vợ của một.....????? mà làm chuyện như thế này đấy cả nhà. Nên mình đừng có thấy tập đoàn lớn mà tin tưởng không ra gì luôn. Cả nhà nhé"; bài viết đính kèm video có hình bà Nguyễn Thị H7.

Bài viết ngày 11/6/2024 chia sẻ lại bài viết ngày 27/3/2024 với dòng trạng thái có nội dung:

"Nhân quả sẻ đến sớm với c nguyển thị hoa ạ".

Bài viết ngày 14/6/2024 có nội dung:

"Thư gửi lời cảm ơn đến Phòng C3 (PC02) - Công an tỉnh G đã làm rõ và đính chính việc bà Nguyễn Thị H7 không giao 4 thửa đất cho bà Trần Thị T là Vi phạm hợp đồng quyền sử dụng đất. Vậy tôi Trần Thị T đăng bài này lên đây tuyên bố và khẳng định cam kết bằng mọi giá phải diệt sạch bọn lừa đảo này. Thông tin cho mọi người buôn bán, giao dịch BĐS tránh xa 2 kẻ lừa đảo bà P1 và Bà H7 này ra. Hiện lô đất Bà H7 đã bán cho T lại bán cho ông Đỗ Bách K là hành vi không có đạo đức. Nhiều nguồn thông tin cho biết tình trạng này được bà H7 sử dụng với nhiều người và nhiều lô đất khác để nhằm chiếm đoạt tài sản"; bài viết đính kèm hình ảnh bà Nguyễn Thị H7, bà Hồ Thị P1 và thông báo trả lời của Phòng C3 Công an tỉnh G.

Nội dung các bài viết này đã được bị hại Nguyễn Thị H7 yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại tiến hành lập Vi bằng ghi nhận hiện trạng để giao nộp cho Cơ quan điều tra xử lý.

Ngày 28/3/2024, bà Nguyễn Thị H7 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G)

tố giác việc Trần Thị T loan truyền thông tin không đúng sự thật trên mạng xã hội Facebook, bôi nhọ bà H7, gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của bà H7.

Qua trưng cầu giám định:

- Tại Kết luận giám định số 1617 ngày 29/8/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh G, kết luận: *"Đối với việc tranh chấp Hợp đồng đặt cọc, công chứng ngày 23/4/2023 giữa bà Trần Thị T và bà Hồ Thị P1: Dựa trên các tài liệu kèm theo Quyết định trưng cầu giám định và theo Thông báo số 1083/TB-CSHS ngày 16/6/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G về việc trả lời đơn và Thông báo số 1337/TB-VPCQCSĐT-Đ2 ngày 26/10/2023 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G về việc trả lời đơn: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra. Đề nghị bà Trần Thị T gửi đơn đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để được hướng dẫn giải quyết. Như vậy, đến nay Cơ quan điều tra không có văn bản nào cho rằng việc tranh chấp Hợp đồng đặt cọc, công chứng ngày 23/4/2023 giữa bà Trần Thị T và bà Hồ Thị P1 là vụ việc lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên bà Trần Thị T đã sử dụng trái phép hình ảnh cá nhân của bà Hồ Thị P1 để đăng tải, chia sẻ vào nhiều hội, nhóm trên mạng xã hội Facebook, cùng nhiều nội dung về bà Hồ Thị P1, như: "ngu như bò, lừa đảo, chuyên lừa đảo, ăn cướp, cướp 1 tỷ" là xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị P1".*

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 1773 ngày 20/9/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh G, kết luận:

"Việc tranh chấp Hợp đồng đặt cọc ngày 05/5/2023 giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị H7: Dựa trên các tài liệu kèm theo Quyết định trưng cầu giám định và theo Thông báo số 356/TB-VPCQCSĐT ngày 05/3/2023 của Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh G về việc trả lại đơn và Công văn số 753/VPCQCSĐT-Đ2 ngày 15/5/2024 của Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh G về việc cung cấp thông tin liên quan đến kết quả xử lý đơn bà Trần Thị T: Đây là quan hệ dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Công an, đề nghị bà Trần Thị T gửi đơn đến TAND có thẩm quyền để được giải quyết. Như vậy, đến nay Cơ quan điều tra không có văn bản nào cho rằng việc tranh chấp Hợp đồng đặt cọc ngày 05/5/2023 giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị H7 là vụ việc cướp, chiếm đoạt tài sản (cướp 5 tỷ tiền chồng đất). Tuy nhiên bà Trần Thị T đã sử dụng trái phép hình ảnh cá nhân của bà Nguyễn Thị H7 để đăng tải, chia sẻ vào nhiều hội, nhóm trên mạng xã hội Facebook, cùng nhiều nội dung về bà Nguyễn Thị H7, như: "Mặt này cướp cướp nhà đất; cướp 5 tỷ tiền chồng đất rồi bỏ trốn; H7 lừa đảo; chiếm đoạt tài sản" là xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H7.

- Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 16/10/2025 của Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch tỉnh G, kết luận:

"Các bài viết ngày 14/6/2024, 29/7/2024 và 17/8/2024 do T đăng tải trên tài khoản Facebook Tâm Phát có việc sử dụng hình ảnh cá nhân và một số từ ngữ mang tính chất thóa mạ được đăng tải, chia sẻ trên mạng xã hội, không phù

hợp với chuẩn mực đạo đức về hành vi, ứng xử trên mạng xã hội được ban hành kèm theo Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ T9 về ban hành bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội".

3. Hành vi giữ người trái pháp luật:

Trên cụm bốn thửa đất (số H, 82, 84 và 86) mà ông Đỗ Bách K nhận chuyển nhượng hợp pháp từ bà Nguyễn Thị H7 có một căn nhà xây bằng gạch; ranh giới bên trái, bên phải và phía sau tiếp giáp các thửa đất liền kề đã được xây tường và rào bằng kẽm gai; mặt trước tiếp giáp đường L được xây tường gạch và khung sắt, có một cổng sắt lớn làm lối ra vào duy nhất và được khóa bằng ổ khóa, dây xích sắt. Sau khi hoàn tất thủ tục chủ quyền, ông Đỗ Bách K thuê người đến dọn dẹp, mua ổ khóa mới để khóa cổng nhưng không trực tiếp sinh sống tại đây.

Đối với Trần Thị T, mặc dù giao dịch với bà Nguyễn Thị H7 bất thành và không ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng với lý do đã giao năm tỷ đồng tiền cọc nên T tự cho mình quyền quản lý, sử dụng bốn thửa đất và căn nhà nêu trên. Lợi dụng việc ông Đỗ Bách K không có mặt tại thực địa, tháng 01 năm 2024, Trần Thị T tự ý lập hợp đồng trái phép cho ông Nguyễn Tá K1 thuê cụm đất và căn nhà này trong thời hạn hai năm. Ông K1 sau đó đến Công an phường H làm thủ tục đăng ký tạm trú, chuyển đến ở tại căn nhà và canh tác trên đất. Khi ông K1 chuyển đến, Trần Thị T đã tự ý thay đổi toàn bộ ổ khóa cổng ra vào. Ngoài ra, Trần Thị T nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại khẳng định mình mới là người mua đất trước và cấm ông Đỗ Bách K quản lý, sử dụng tài sản của chính mình.

Tháng 7 năm 2024, ông Đỗ Bách K đến kiểm tra đất thì phát hiện ông Nguyễn Tá K1 đang ở và sử dụng trái phép tài sản của mình nên đã nhiều lần làm đơn trình báo, khiếu nại đến Ủy ban nhân dân và Công an phường H yêu cầu giải quyết. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính và pháp lý, Công an phường H xác định bốn thửa đất và căn nhà thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông K, việc ông K1 lưu trú là bất hợp pháp, nên ngày 26 tháng 9 năm 2024, Công an phường H đã ban hành quyết định hủy bỏ đăng ký cư trú đối với ông Nguyễn Tá K1 tại địa chỉ này. Tuy nhiên, tình trạng bao chiếm thực địa vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Tháng 12 năm 2024, ông Nguyễn Tá K1 thông báo cho Trần Thị T biết việc ông Đỗ Bách K liên tục đến đòi lại đất.

Đến đầu tháng 01 năm 2025, Trần Thị T và chồng là Lê Hữu T1 đã dọn một số vật dụng cá nhân đến ngôi nhà trên đất và Lê Hữu T1 trực tiếp chuyển đến ở hẳn tại đây để giữ đất. T1 và ông K1 mỗi người quản lý một chìa khóa cổng ra vào.

Để thực hiện quyền sở hữu hợp pháp, ngày 02 tháng 01 năm 2025, ông Đỗ Bách K ký hợp đồng cho ông Nguyễn Duy T2 thuê lại quyền sử dụng bốn thửa đất và căn nhà nêu trên. Đến ngày 06 tháng 01 năm 2025, ông K được Ủy ban nhân dân phường H xác nhận thực địa và được Ủy ban nhân dân thành phố P

cấp Giấy phép xây dựng nhà ở trên cụm đất này. Do bị Lê Hữu T1 ở bên trong cản trở không thể tiếp cận tài sản, ông K tiếp tục đề nghị chính quyền can thiệp.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, Ủy ban nhân dân phường H tổ chức buổi hòa giải, làm việc giải quyết tranh chấp đất đai với sự tham gia của ông Đỗ Bách K, Trần Thị T và ông Đinh Viết D1 (người đại diện theo ủy quyền của T). Tại buổi làm việc, dù được giải thích rõ về mặt pháp lý, Trần Thị T vẫn không đồng ý trả lại quyền quản lý, sử dụng đất cho ông K nên cuộc họp không thành.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, ông Đỗ Bách K gửi văn bản thông báo chính thức đến Ủy ban nhân dân phường H, Công an phường H và cá nhân ông Nguyễn Tá K1, yêu cầu ông K1 phải dọn dẹp toàn bộ vật dụng, tài sản ra khỏi đất để ông K tiến hành dọn dẹp mặt bằng, sơn sửa lại ngôi nhà vào ngày 25 tháng 01 năm 2025.

Khoảng 09 giờ ngày 25 tháng 01 năm 2025, ông Đỗ Bách K cùng ông Nguyễn Duy T2, ông Phạm H4 (Trưởng Văn phòng T10) và các nhân viên của Văn phòng Thừa phát lại đến cụm bốn thửa đất nêu trên để kiểm tra, ghi nhận hiện trạng đất và nhà ở. Tại đây, mọi người thấy bị cáo Lê Hữu T1 và ông Trần Danh N1 (người quen của vợ chồng bị cáo) đang tiến hành sơn lại tường rào bao quanh đất.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, sau khi Văn phòng Thừa phát lại hoàn thành việc kiểm tra, ghi nhận hiện trạng, bị cáo Lê Hữu T1 yêu cầu tất cả mọi người ra khỏi khuôn viên đất để T1 khóa cổng. Ông Phạm H4 và các nhân viên Văn phòng Thừa phát lại ra về, riêng ông Đỗ Bách K và ông Nguyễn Duy T2 quyết định ở lại thực địa. Ông Đỗ Bách K khẳng định với T1: *"Đất này là đất của tôi, tôi ở chứ tôi không ra"*. Thấy ông K và ông T2 không rời đi, bị cáo T1 tuyên bố: *"Nếu ông không ra thì tôi khóa cổng"*, rồi ngay lập tức lấy chìa khóa mang sẵn trong người khóa chặt cổng sắt ra vào duy nhất của thửa đất.

Ngay sau đó, ông Trần Danh N1 điện thoại báo cho bị cáo Trần Thị T biết việc ông K và ông T2 đang ở trên đất để chuẩn bị san ủi mặt bằng xây dựng nhà. Tiếp nhận thông tin, bị cáo T liền gọi điện báo cho ông Nguyễn Tá K1 đến phối hợp giải quyết; đồng thời, bị cáo T liên lạc đến lực lượng Cảnh sát phản ứng nhanh (Tổng đài Cảnh sát 113) thuộc Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh G, thông báo thông tin sai sự thật là có nhóm người đến đất của mình gây rối, tấn công. Tiếp nhận tin báo, lực lượng Cảnh sát 113 đã chuyển thông tin vụ việc đến trực ban Công an phường H. Lãnh đạo Công an phường H đã phân công tổ công tác gồm Trung tá Nguyễn Trà V (Phó trưởng Công an phường) và Thiếu úy Trịnh Đăng T3 (Cán bộ Công an phường) mặc sắc phục Cảnh sát nhân dân, đeo quân hàm đúng quy định đến hiện trường để kiểm tra, giải quyết.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25 tháng 01 năm 2025, tổ công tác Công an phường H đến trước khu đất thì gặp ông Trần Văn C (Tổ trưởng Tổ dân phố F, phường H) do ông K mời đến chứng kiến sự việc từ trước. Nhận thấy cổng sắt bị khóa, Trung tá Nguyễn Trà V yêu cầu mở cổng thì bị cáo Lê Hữu T1 lấy chìa khóa ra mở để hai cán bộ Công an và ông Tổ trưởng dân phố vào bên trong làm

việc. Khoảng 10 phút sau, khi lực lượng Công an đang tiến hành nắm bắt tình hình thì bị cáo Trần Thị T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 81A-174.84 và ông Nguyễn Tá K1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59N5-273.33 cùng đến nơi. Bị cáo T đỗ xe bên ngoài rồi đi bộ vào, còn ông K1 điều khiển xe máy đi thẳng vào trong sân đất, tiến đến chất vấn ông K lý do quậy phá mảnh đất ông K1 đang thuê. Giữa bị cáo T, ông K và ông T3 tiếp tục xảy ra tranh cãi gay gắt về quyền sử dụng đất hợp pháp, thu hút một số người dân hiếu kỳ đến đứng xem bên ngoài tường rào.

Lúc này, bị cáo T tiếp tục dùng điện thoại gọi cho lực lượng Cảnh sát 113 lần thứ hai yêu cầu đến can thiệp vì có người gây rối. Ông Nguyễn Tá K1 nói với bị cáo T1 nếu không đuổi được những người này ra ngoài thì khóa cổng lại để tránh việc người khác vào gây ồn ào, mất mát tài sản của mình. Bị cáo T đứng gần đó cũng yêu cầu T1 đuổi những người đang có mặt ra ngoài và nói với ông K1 rằng ông K1 muốn làm gì thì làm, T không can thiệp. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, ông K1 điều khiển xe mô tô ra về, bị cáo T1 đi theo sau để mở cổng, nhưng ngay sau khi ông K1 ra ngoài, T1 liền dùng chìa khóa khóa chặt cổng ra vào một lần nữa. Khóa cổng xong, T1 vào khu vực bếp thông báo cho bị cáo T biết việc đã khóa cổng để chờ Cảnh sát 113 đến giải quyết.

Sau khi tranh cãi, ông Đỗ Bách K có ý định đi vào bên trong ngôi nhà thì bị cáo Trần Thị T vào bếp lấy một con dao dài 31,5cm, lưỡi bằng kim loại cầm trên tay lớn tiếng đe dọa, ngăn cản ông K. Sau đó, bị cáo T ra ngồi ở hiên nhà, bị cáo T1 vào bếp nấu ăn, còn ông K, ông Nguyễn Duy T2, Trung tá Nguyễn Trà V, Thiếu úy Trịnh Đăng T3, ông Trần Văn C và ông Trần Danh N1 vẫn đứng làm việc tại sân. Tại thời điểm này, ông Nguyễn Duy T2 và ông Trần Danh N1 phát hiện cổng sắt đã bị khóa chặt nên đi đến đề nghị bị cáo T1 mở cổng nhưng Thống quyết liệt từ chối; bị cáo T nghe và chứng kiến toàn bộ sự việc nhưng thể hiện thái độ đồng tình với chồng và không có ý kiến gì.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ công tác Cảnh sát 113 gồm Thiếu tá Lê Thanh B và Đại úy Đinh Xuân Q mặc quân phục, đi xe mô tô đặc chủng đến nơi nhưng không thể vào bên trong do cổng đã bị khóa. Thiếu tá Lê Thanh B yêu cầu ông Trần Danh N1 (đang đứng gần cổng) mở khóa thì ông N1 trả lời mình không giữ chìa khóa, ông B yêu cầu ông N1 vào bên trong bảo người khóa cổng ra mở để lực lượng chức năng làm nhiệm vụ. Ông N1 vào khuyên ngăn nhưng khoảng 05 phút sau, khi hai bị cáo đi ra cổng, Trần Thị T khẳng định đây là đất của mình và chỉ đồng ý mở cổng cho một mình Thiếu tá B vào bên trong. Sau khi Thiếu tá B giải thích đây là tổ công tác đang thi hành nhiệm vụ và yêu cầu phải mở cổng cho cả tổ vào làm việc, bị cáo T không chấp hành mà bỏ đi thẳng vào trong nhà.

Tiếp đó, Trung tá Nguyễn Trà V cùng ông Nguyễn Duy T2 trực tiếp giải thích, vận động, yêu cầu hai bị cáo mở cổng để những người bên trong đi ra và để lực lượng chức năng vào làm việc, nhưng cả Trần Thị T và Lê Hữu T1 đều quanh co viện cớ không có chìa khóa, không giữ chìa khóa hoặc đã làm rơi mất chìa khóa nhằm mục đích cố tình không thực hiện yêu cầu. Cùng thời điểm này,

bị cáo T dùng điện thoại di động liên lạc qua ứng dụng Zalo dặn ông Nguyễn Tá K1, ông K1 không rõ tình hình và cũng không có hành động gì.

Trung tá Nguyễn Trà V tiếp tục giải thích, yêu cầu mở cổng lần thứ hai nhưng hai bị cáo vẫn chống đối; ông V đề nghị ông Trần Danh N1 tác động, khuyên nhủ hai bị cáo nhưng không có kết quả. Nhận thấy Tổ công tác Công an phường, Tổ trưởng Tổ dân phố cùng các công dân đang bị giam lỏng bên trong khu đất, còn lực lượng Cảnh sát 113 bị ngăn cản bên ngoài, Trung tá Nguyễn Trà V đã điện thoại báo cáo khẩn cấp cho Trưởng Công an phường H để báo cáo tiếp lên Lãnh đạo Công an thành phố P.

Xác định vụ việc có dấu hiệu hình sự của tội giữ người trái pháp luật và hành vi chống đối lực lượng chức năng đang thi hành công vụ, Lãnh đạo Công an thành phố P đã nhanh chóng điều động lực lượng tăng cường đến hiện trường để giải quyết và ổn định an ninh trật tự. Khoảng hơn 13 giờ ngày 25 tháng 01 năm 2025, lực lượng Công an thành phố P có mặt tại hiện trường, dùng loa chuyên dụng liên tục giải thích, vận động, thuyết phục và ra lệnh yêu cầu mở cổng, nhưng hai bị cáo Trần Thị T và Lê Hữu T1 vẫn cố tình cố thủ, không chấp hành.

Trước hành vi cố ý kéo dài trạng thái tước đoạt tự do thân thể của các nạn nhân, vào lúc gần 14 giờ cùng ngày, lực lượng Công an thành phố P đã tiến hành cắt phá khóa cổng sắt, tiến vào bên trong lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Hữu T1 và Trần Thị T về hành vi giữ người trái pháp luật; đồng thời giải cứu an toàn cho năm người bị giữ trái phép (gồm ông Đỗ Bách K, ông Nguyễn Duy T2, ông Trần Văn C, Trung tá Nguyễn Trà V và Thiếu úy Trịnh Đăng T3). Toàn bộ quá trình phá khóa, tiếp cận hiện trường và lập biên bản bắt quả tang đã được cán bộ Kỹ thuật hình sự tiến hành quay phim, chụp ảnh đầy đủ để làm căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2026/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm các tội: "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân" và "Giữ người trái pháp luật".

1.2. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T1 phạm tội: "Giữ người trái pháp luật".

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Trần Thị T:

- Áp dụng khoản 1 Điều 331; các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân".

- Áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 157; các Điều 17, 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật".

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Thị T phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/01/2025.

2.2. Đối với bị cáo Lê Hữu T1:

Áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 157; điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T1 02 (hai) năm tù về tội "Giữ người trái pháp luật". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/01/2025.

3. Về kiến nghị:

Kiến nghị Cơ quan điều tra có thẩm quyền tiếp tục xem xét, xử lý theo quy định pháp luật đối với hành vi có dấu hiệu của tội "Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai" theo Điều 228 Bộ luật Hình sự của bị cáo Trần Thị T và những người có liên quan.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 27/5/2026, bị cáo Trần Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa. Ngày 27/5/2026, bị cáo Lê Hữu T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội "Giữ người trái pháp luật" và đình chỉ vụ án. Ngày 27/5/2026, bị hại Hồ Thị P1 kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo T đối với tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân", xử phạt bị cáo T từ 02 đến 03 năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trần Thị T, Lê Hữu T1 và bị hại Hồ Thị P1 giữ nguyên kháng cáo.

- Người bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ bào chữa và đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại Hồ Thị P1 trình bày luận cứ bảo vệ và đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà P1.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai và đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của BLTTHS, Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Lê Hữu T1 và bị hại Hồ Thị P1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2026/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo Trần Thị T, Lê Hữu T1 không thừa nhận hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Đối với tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân".

[1.1.1] Đối bà Hồ Thị P1**:**

Vào ngày 23/4/2023, bà Hồ Thị P1 thỏa thuận bán quyền sử dụng thửa đất số 192, tờ bản đồ số 24, diện tích 329m² tại Khu Q, phường H, thành phố P (cũ) của bà P1 cho Trần Thị T, cả hai lập Hợp đồng mua bán quyền sử dụng thửa đất trên là 13 tỷ đồng, T đã đặt cọc cho bà P1 số tiền một tỷ đồng và thỏa thuận phạt tiền cọc nếu bên mua hoặc bên bán vi phạm hợp đồng; Tại điểm 4, mục 5. Điều khoản cuối cùng của Hợp đồng đặt cọc có quy định Bên A (Hồ Thị P1) được quyền ủy quyền cho người khác ký mua bán chuyển nhượng cho Bên B (Trần Thị T) theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trước thời điểm đến Văn phòng công chứng, bà P1 còn nhắn tin cho Trần Thị T về việc ủy quyền cho anh Nguyễn Xuân Á - là con trai bà P1 được ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được Trần Thị T nhắn tin lại đồng ý. Tuy nhiên, đến ngày 23/5/2023, tại thời điểm công chứng hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất, T lại lấy lý do bà P1 vi phạm hợp đồng khi bà P1 không trực tiếp đến ký Hợp đồng mà ủy quyền cho anh Nguyễn Xuân Á đến ký Hợp đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 192 ghi số Chứng minh nhân dân chứ không phải số Căn cước công dân của bà P1 nên T không ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên với anh Ánh. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nhóm người của T nhiều lần đến nhà bà P1 tại thôn G, xã I, huyện P để gây áp lực (Căng băng rôn trên xe ô tô, chửi bới bà P1 lừa đảo số tiền 01 tỷ đồng của T) yêu cầu bà P1 trả lại tiền đặt cọc và tiền phạt cọc nhưng bà P1 không đồng ý. Từ ngày 19/7/2023 đến ngày 17/8/2024, T lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo, khi cho rằng bà P1 vi phạm Hợp đồng dân sự giữ số tiền cọc 01 (một) tỷ đồng của T để tố cáo bà P1 đến Cơ quan chức năng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lời đây là tranh chấp dân sự. Ngày 23/5/2023, hai bên chưa hoàn tất việc chuyển nhượng thửa đất số 192 theo quy định pháp luật. Bà T chưa được chỉnh lý biến động, chưa có tài liệu chứng cứ chứng minh có quyền sử dụng thửa đất số 192 nhưng đã thực hiện hành vi chiếm hữu, sử dụng đất, cụ thể: đặt thùng Container và xe ô tô cũ loại không còn sử dụng và một số vật dụng khác trên đất; hợp đồng cho anh Phạm Đình H5 thuê lại mặt bằng thửa đất số 192 để thu lợi bất chính số tiền 8.000.000 đồng. Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai đã nhiều lần tổ chức hòa giải, làm việc nhưng bị cáo T không di dời tài sản trên thửa đất số 192. Bà P1 thuê Văn phòng T8 thực hiện việc di dời tài sản lấn chiếm vào các ngày 29/7/2024 và 07/8/2024.

Từ ngày 19/7/2023 đến ngày 17/8/2024 facebook tên "Tâm Phát", số điện thoại đăng nhập 0985525027, ID: " http"//www.facebook.com/frofile.php id 100082724976846, ảnh đại diện phụ nữ mặc quân phục quân đội, đã liên tục đăng tải, phát tán công khai các bài viết, cụ thể:

- Ngày 19/7/2023 "*Góc cảnh báo lừa đảo, lô đất phía dưới T mua của bà P1 được văn bản thông báo đóng dấu đỏ của công an về việc Bà P1 (bên A) không đi ký đất cho tôi ngày ra công chứng là vi phạm hợp đồng đặt cọc, tôi đã nhiều lần đến lấy lại tiền cọc nhưng bà quyết nuốt trắng luôn không trả cho tôi. Tôi đã làm đơn kiện lên tòa án. Trong thời gian này, rất mong mn cảnh giác khẩn cấp không ký mua bán với Bà P1 để tránh rủi ro bị lừa đảo như tôi*". Bài viết đính kèm hình ảnh bà Hồ Thị P1, Thông báo trả lời số 1083/TB-CSHS ngày 16/6/2023 của Phòng C3 Công an tỉnh G, hợp đồng đặt cọc, sao kê tài khoản ngân hàng chuyển tiền, Thông báo gấp …

- Ngày 19/9/2023 : *"Container của nhà mới mua quá đẹp. đặt đất đẹp ở bờ kè lô mua 13 tỷ. Thực tế nhà mua được rất rẻ nha cả nhà. Ko phải giá 13 tỷ hj hj. Trời cho".* Bài viết được đính kèm hình ảnh chụp container do T đặt trên thửa đất số 192 của bà P1.

- Ngày 12/11/2023: *"Đám cưới này to như thế này là nhờ tiền xương máu một tỉ bạc của tôi nè mọi người lừa tôi bán đất rồi không ký không trả tiền lại cướp đây nè mọi người".* Bài viết được đính kèm video clip đám cưới của con bà P1 tại thị trấn P, tỉnh Gia Lai

- Ngày 18/3/2024: *"Cả nhà hãy tránh ra lô đất này nhé T đã đặt cọc 1tỷ. Không ký không trả cọc này giờ đang lừa nhiều người để bán lấy tiền nữa nè dính vô là mất tiền đó cả nhà nhé. Đi kiện thua bây giờ làm càn".* Bài viết được đính kèm hình ảnh bà P1, Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 481630, hợp đồng đặt cọc giữa T và bà P1.

- Ngày 14/6/2024: *"Thư gửi lời cảm ơn đến Phòng C3 (PC02) - Công an tỉnh G đã làm rõ và đính chính việc bà Nguyễn Thị H7 không giao 4 thửa đất cho bà Trần Thị T là Vi phạm hợp đồng quyền sử dụng đất. Vậy tôi Trần Thị T đăng bài này lên đây tuyên bố và khẳng định cam kết bằng mọi giá phải diệt sạch bọn lừa đảo này. Thông tin cho mọi người buôn bán, giao dịch BĐS tránh xa 2 kẻ lừa đảo bà P1 và Bà H7 này ra. Hiện lô đất Bà H7 đã bán cho T lại bán cho ông Đỗ Bách K là hành vi không có đạo đức. Nhiều nguồn thông tin cho biết tình trạng này được bà H7 sử dụng với nhiều người và nhiều lô đất khác để nhằm chiếm đoạt tài sản".* Bài viết được đính kèm hình ảnh bà Hồ Thị P1, Thông báo trả lời của Phòng C3 Công an tỉnh G.

- Ngày 29/7/2024 *"Gấp gấp bà Hồ Thị P1 ở tổ H P Pleiku G với 1nhom người có học. Ls nhà báo. Vệ si,, B2. đã ăn cướp hai cái container của bà T với hai cái dù to và một mái che để bán cà phê 20 cái cây và dụng cụ để bán cà phê tất cả trong hai container đã thuê một nhóm người ăn cướp giữa ban ngày thuê một giàn bảo vệ từ Đắk Lắk sang ăn cướp thẳng luôn, giờ nhờ cơ quan ban ngành ở thành phố P tỉnh Gia Lai bắt tội phạm. Tất cả mọi người đừng mua lô đất đó nha đang tranh chấp với tôi nên là mua là bước vào vòng lao lý đấy nên mọi người đừng có vướng nhé".* bài viết được đính kèm hình ảnh một số người đứng trên thửa đất số 192 của bà P1

- Ngày 29/7/2024: *"Đi ăn trộn có tổ chức. Cướp của tôi ở Gia Lai đưa qua Đắk Lắk để tẩu tán tài sản của tôi, C1 bắt được người ăn cướp là đăng lên*

mạng ai làm được gì. Chỉ có được thưởng) Bắt được người phụ nữ này ăn trộm rồi nha cả nhà rồi nhé đó là bà H6 thì P1) (bà hồ thị phụng mặc áo rằn ri, cùng nhóm người có học mà ko có đạo Đức đi ăn cúop) bà này chuyên bắt nạt dân phủ T5,,, cướp hai công-tainer trị giá 131 triệu hai cây dù 8 triệu 2 cây xương rồng to trị giá 8 triệu và 18 cây cảnh trị giá 10 triệu cộng với tất cả đồ trong container trị giá 30 triệu cộng với một giàn sắt trị giá 53 triệu. Hai bảng hiệu 10 tr, cái này thì khung Hơi đậm"; Bài viết được đính kèm hình ảnh và video việc bà P1 thuê người di dời container trên thửa đất số 192.

- Ngày 17/8/2024 *"Đoàn ăn cướp đã thành công .,, với bà hồ thị phụng tổ H P, đội ăn cướp hoành tráng quá. Và tiếp theo sẻ là lá là la";*. Bài viết đính kèm hình ảnh bà P1, ông Bùi Đức S1 và nhân viên Văn phòng T8 (được bà P1 thuê di dời tài sản).

[1.1.2] Đối với bà Nguyễn Thị H7:

Bà Nguyễn Thị H7 là chủ sử dụng bốn thửa đất (81, 82, 84 và 86, tờ bản đồ số 79, tọa lạc tại phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai) theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 152741, DI 152742, DI 152743 và DI 152744.

Vào ngày 05/5/2023, bà Nguyễn Thị H7 thỏa thuận bán quyền sử dụng 04 (bốn) thửa đất tại tổ F, phường H, thành phố P của bà H7 cho Trần Thị T, cả hai lập Hợp đồng mua bán quyền sử dụng thửa đất trên là 15.500.000.000 (mười lăm tỷ, năm trăm triệu) đồng, thực hiện theo Hợp đồng thì T đã chuyển 05 (năm) tỷ đồng tiền đặt cọc cho bà H7. Đến ngày 15/8/2023, bà H7 đến Văn phòng C2, nay là Văn phòng C2 - Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai yêu cầu Công chứng viên Nguyễn Thị T6 soạn thảo trước hợp đồng công chứng và ký trước vào mục người bán, nhờ bà Nguyễn Thị Thanh H7 - là người quen của bà Nguyễn Thị H7 giữ 04 (bốn) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đợi khi T đến chuyển đủ số tiền còn lại cho bà Nguyễn Thị H7 thì bà Nguyễn Thị Thanh H7 sẽ giao lại 04 (bốn) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho T. Sau đó khi T đến Văn phòng công chứng không gặp bà Nguyễn Thị H7, T lấy lý do bà Nguyễn Thị H7 vi phạm hợp đồng nên T bỏ về, không ký vào Hợp đồng công chứng. Sau đó, bà Nguyễn Thị H7 nhiều lần nhắn tin, gửi văn bản thông báo cho T nhưng T không đến Văn phòng công chứng để thực hiện Hợp đồng. Do T không đến công chứng như đã hẹn, nên vào tháng 12/2023, bà Nguyễn Thị H7 đã nhờ bà Nguyễn Thị H9 - là chị gái của bà H7 đưa ông Đỗ Bách K đi xem vị trí đất và bán quyền sử dụng 04 (bốn) thửa đất trên cho ông K. Ngày 14 tháng 12 năm 2023, bà Nguyễn Thị H7 đã lập thủ tục chuyển nhượng bốn thửa đất nêu trên cho ông Đỗ Bách K và ông K đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thành phố P cập nhật chỉnh lý biến động hợp pháp vào ngày 20 tháng 12 năm 2023.

Từ ngày 01/02/2024 cho đến ngày 14/6/2024, Trần Thị T đã nhiều lần gửi đơn tố cáo bà Nguyễn Thị H7 "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đến các Cơ quan chức năng. Kết quả của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lời đây là tranh chấp dân sự và đã được hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án nhân dân.

Trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 14 tháng 6 năm 2024, tài khoản mạng xã hội Facebook cá nhân tên "Tâm Phát" được đăng nhập bằng số diện thoại 0985525027, ID: " http"//www.facebook.com/frofile.php id 100082724976846, ảnh đại diện phụ nữ mặc quân phục quân đội, đăng tải, chia sẻ công khai nhiều bài viết, cụ thể:

- Ngày 01/02/2024 *"giàu bằng thủ đoạn này .nhưng củng ký xong rồi hjhj";* bài viết đính kèm hình ảnh của bà Nguyễn Thị H7 và ảnh chụp hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất.

- Ngày 27/3/2024 *"Đây là e gái và vợ tập đoàn L5 cướp 5 tỷ tiền chồng đất rồi bỏ trốn. thuê xh đen đến tấn công quá khủng kiếp cướp ngày. ủy quyền cho c là Nguyễn thị H9 . bán lại cho ông để đăng khoa hiệu trưởng chi lăng gia lai. Cần tìm gấp, nhiều người bảo tôi bạn ko kiện được họ bởi vì họ làm lớn quen biết rộng, tôi ko biết quen ai hay ko mà thấy quen xh đen nhiều quá trời luôn. Để bảo vệ họ. họ ko sợ nhân quả. Vậy thôi để tôi đưa họ lên mạng cho lẹ vậy";* bài viết đính kèm video có hình ảnh bà Nguyễn Thị H7.

- Ngày 31/3/2024 *"hình ảnh của một con giả đóng vai đến công chứng để chiếm đoạt tài sản. không một ai đến công chứng rồi bảo người ta tự quay qua quay lại chỗ công chứng như thế này để ký rồi. cầm 4 bìa đỏ bỏ trốn cướp 5 tỷ. đưa xh đen đến giử. Cùng c là Nguyễn Thị H9 là vợ của một.....????? mà làm chuyện như thế này đấy cả nhà. Nên mình đừng có thấy tập đoàn lớn mà tin tưởng không ra gì luôn. Cả nhà nhé";* bài viết đính kèm video có hình bà Nguyễn Thị H7.

- Ngày 11/6/2024 chia sẻ lại bài viết ngày 27/3/2024 với dòng trạng thái có nội dung: *"Nhân quả sẻ đến sớm với c nguyển thị hoa ạ"*.

- Ngày 14/6/2024 *"Thư gửi lời cảm ơn đến Phòng C3 (PC02) - Công an tỉnh G đã làm rõ và đính chính việc bà Nguyễn Thị H7 không giao 4 thửa đất cho bà Trần Thị T là Vi phạm hợp đồng quyền sử dụng đất. Vậy tôi Trần Thị T đăng bài này lên đây tuyên bố và khẳng định cam kết bằng mọi giá phải diệt sạch bọn lừa đảo này. Thông tin cho mọi người buôn bán, giao dịch BĐS tránh xa 2 kẻ lừa đảo bà P1 và Bà H7 này ra. Hiện lô đất Bà H7 đã bán cho T lại bán cho ông Đỗ Bách K là hành vi không có đạo đức. Nhiều nguồn thông tin cho biết tình trạng này được bà H7 sử dụng với nhiều người và nhiều lô đất khác để nhằm chiếm đoạt tài sản";* bài viết đính kèm hình ảnh bà Nguyễn Thị H7, bà Hồ Thị P1 và thông báo trả lời của Phòng C3 Công an tỉnh G.

[1.1.3] Toàn bộ các bài viết tại [1.1.1], [1.1.2] đã được Văn phòng T7 lập Vi bằng số 62 ngày 25/10/2023, số 24 ngày 05/02/2024, số 52 ngày 22/3/2024 đối với bị hại Hồ Thị P1; Vi bằng số 580/2024 /VB-TPL của Văn phòng T11, quận G đối với bị hại Nguyễn Thị H7.

Vi bằng được lập theo quy định tại Điều 36 của Nghị định 08/2020/NĐ-CP "Thừa phát lại được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi có thật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc, trừ các trường hợp quy định tại Điều 37 của Nghị định này" và "Trong quá trình đánh giá, xem xét giá trị chứng cứ của vi bằng, nếu thấy cần thiết, Tòa án nhân dân, Viện kiểm

sát nhân dân có thể triệu tập Thừa phát lại, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để làm rõ tính xác thực của vi bằng". Việc lập vi bằng đã được Văn phòng T7 tuân thủ theo quy định tại Điều 39 " 1. Thừa phát lại phải trực tiếp chứng kiến, lập vi bằng và chịu trách nhiệm trước người yêu cầu và trước pháp luật về vi bằng do mình lập. Việc ghi nhận sự kiện, hành vi trong vi bằng phải khách quan, trung thực. Trong trường hợp cần thiết, Thừa phát lại có quyền mời người làm chứng chứng kiến việc lập vi bằng.

Người yêu cầu phải cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập vi bằng (nếu có) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp."

Lời khai của thừa phát lại cũng xác nhận tính xác thực của vi bằng.

Văn phòng T7 giao nộp 02 đĩa DVD chứa dữ liệu lập vi bằng và Kết luận giám định kết luận các video nguyên vẹn, không bị cắt ghép.

[1.1.4] Dù các bài viết không còn tồn tại, bị cáo phủ nhận không sử dụng Facebook đăng các bài viết tại mục [1.1.1] và [1.1.2]. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã cho bị cáo Trần Thị T tự thực hiện việc đăng nhập vào tài khoản mạng xã hội Facebook mang tên "Tâm Phát" ngay trên chính chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo của bị cáo, đăng nhập bằng số diện thoại 0985525027, ID: " http"//www.facebook.com/frofile.php id 100082724976846 ảnh đại diện phụ nữ mặc quân phục quân đội dưới sự chứng kiến của cơ quan chức năng.

Và các lời khai của bị cáo T đều thừa nhận tài khoản "Tâm Phát" hình ảnh đại diện (avatar) của tài khoản là phụ nữ mặc quân phục Quân đội chính là tài khoản và hình ảnh của cá nhân bị cáo. Bị cáo xác nhận tài khoản này bị cáo tạo bằng số diện thoại 0985525027, ID: 100082724976846. Mặc dù tại phiên tòa, bị cáo T chỉ thừa nhận có đăng bài liên quan đến bà P1 (đăng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hình ảnh của bà P1, thông báo của Cơ quan điều tra) và bà H7 nhưng không thừa nhận số lần đăng và các nội dung đăng bài có tính chất thóa mạ.

Và lời khai của bị cáo cũng xác nhận toàn bộ các bài viết liên quan đến bị hại Hồ Thị P1, Nguyễn Thị H7 như đã nêu tại [1.1.1], [1.1.2] là do chính bị cáo khởi tạo, đăng tải xuất phát từ những mâu thuẫn trong giao dịch đặt cọc chuyển nhượng đất. Cụ thể:

Tại Biên bản lấy lời khai của Trần Thị T ngày 17/10/2023 (BL 352, 353) khai: Tôi lướt facebook "Tâm Phát" thấy bài đăng của Hồ Thị P1 về lô đất. Phụng vu khống tôi, tôi vào tài khoản "Tâm Phát" đăng các bài đăng kèm hình ảnh, nội dung bà P1 lừa đảo tôi.

Tại Biên bản lấy lời khai của Trần Thị T ngày 19/9/2024 (BL 255) khai: Tôi sử dụng Facebook "Tâm Phát" đăng tải hình ảnh của ông H10 và nhiều người khác kèm nội dung "Đoàn ăn cướp đã thành công với bà Hồ Thị P1 tổ 8, P, đội ăn cướp hoành tráng quá …" lên trang cá nhân và chia sẻ nhiều hội nhóm. Đến ngày 07/8/2024 đã xoá bài đăng về bà P1, ông H10 về hành vi lừa đảo.

Biên bản hỏi cung Trần Thị T ngày 25/4/2025 (BL 237) khai: Tôi đang sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook mang tên "Tâm Phát", bằng số điện thoại di động đăng ký là "098.5525.027" hoặc số "0373.185.959"; lập trước năm 2023, tài khoản này do con gái tôi Lê Thị Thanh H8 tạo lập cho tôi. Tôi đăng nhập tài khoản này trên điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y55 và 01 điện thoại Samsung, cả 2 điện thoại này hiện nay đều được cơ quan công an tạm giữ để phục vụ điều tra. Tôi đăng các bài viết về bà P1 có nội dung "Ngang nhiên cướp tài sản, Trộm cắp tài sản" kèm theo hình ảnh cá nhân của bà P1 đưa lên hội nhóm. Bài viết cuối cùng được đăng liên quan đến bà P1 là khoảng tháng 9/2024.

Biên bản làm việc ngày 01/3/2024 (BL 154): Đã tiến hành kiểm tra điện thoại Vivo Y55 của bà T đưa. Qua kiểm tra ứng dụng Facebook trong màn hình điện thoại có đăng nhập tài khoản Facebook tên "Tâm Phát", có ảnh đại diện của T, thông tin liên hệ có số điện thoại 0985525027, có 3,4K bạn bè và 1.180 người theo dõi. Trong trang cá nhân "Tâm Phát" kiểm tra từ ngày 19/7/2023 đến ngày 01/3/2024 thì trên trang cá nhân của T không có bài đăng, hình ảnh, video nào liên quan đến bà Hồ Thị P1. T trình bày tài khoản Facebook trên của bà T, bà T có đăng một số bài liên quan đến bà P1 nhưng bà T đã gỡ bỏ các bài đăng này vào tháng 9/2023.

Tại Biên bản làm việc ngày 19/4/2024 (BL 155): Đã tiến hành kiểm tra điện thoại Vivo Y55 của bà T đưa. Qua kiểm tra ứng dụng Facebook trong màn hình điện thoại có đăng nhập tài khoản Facebook tên "Tâm Phát", có ảnh đại diện của T, thông tin liên hệ có số điện thoại 0985525027, có 3,5K bạn bè và 1.215 người theo dõi. Trong mục bài viết vào thời điểm 17 giờ 51 phút ngày 18/3/2024, trên trang cá nhân "Tâm Phát" đăng tải bài viết: "Cả nhà hãy tránh ra lô đất này nhé T đã đặt cọc 1tỷ. Không ký không trả cọc này giờ đang lừa nhiều người để bán lấy tiền nữa nè dính vô là mất tiền đó cả nhà nhé. Đi kiện thua bây giờ làm càn" kèm theo đó là hình ảnh một người phụ nữ mặc quần áo màu trắng đang đứng trên lô đất và hình ảnh hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T và bà Hồ Thị P1.

Tại Bản tự khai của bị cáo Trần Thị T vào ngày 01/3/2024 (BL 223) khai: Căn cứ vào thông báo của Cơ quan công an, tôi mới đăng bà P1 lừa đảo tôi để tránh trường hợp bà bán cho người khác và người mua lại bị lừa nữa. Và tôi có bỏ container và mái di động để giữ đất do bà P1 đã giao theo Hợp đồng đặt cọc ngày 23/4/2023. Tôi đã đăng tải tài khoản Facebook 0985525027 tôi bắt đầu đăng trên các nhóm bất động sản, hiện nay tôi đã gỡ hết các bài đăng.

Tại Biên bản lấy lời khai bị cáo Trần Thị T ngày 01/3/2024 (BL 227): Bị cáo T xác nhận Facebook "Tâm Phát" và số điện thoại 0985525027 được bị cáo đăng nhập trên điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y55, màu vàng để sử dụng: Vào sáng ngày 19/7/2023, tôi sử dụng tài khoản Facebook mang tên "Tâm Phát" lấy hình ảnh của bà Hồ Thị P1 mặc quần áo màu trắng đứng tại lô đất ở khu quy hoạch suối Hội Phú và đăng tải trên nhóm "Nhà đất Phú Thiện" với nội dung**:** **"**Góc cảnh báo lừa đảo, lô đất phía dưới T mua của bà P1 được văn bản thông báo đóng dấu đỏ của công an về việc Bà P1 (bên A) không đi ký đất cho tôi

ngày ra công chứng là vi phạm hợp đồng đặt cọc, tôi đã nhiều lần đến lấy lại tiền cọc nhưng bà quyết nuốt trắng luôn không trả cho tôi. Tôi đã làm đơn kiện lên tòa án. Trong thời gian này, rất mong mn cảnh giác khẩn cấp không ký mua bán với Bà P1 để tránh rủi ro bị lừa đảo như tôi" và đăng kèm thông báo trả lời đơn của Phòng Cảnh sát hình sự công an tỉnh Gia Lai. Sau đó tiếp tục chia sẻ bài viết, hình ảnh, thông báo trả lời đơn trên nhiều nhóm. Tháng 9/2023, tôi thuê 01 container đến đặt tại thửa đất số 192 trên và đăng trên các nhóm mạng xã hội với nội dung "Container của nhà mới mua quá đẹp. đặt đất đẹp ở bờ kè lô mua 13 tỷ. Thực tế nhà mua được rất rẻ nha cả nhà. Ko phải giá 13 tỷ hj hj. Trời cho" kèm theo hình ảnh chụp container mà T đã đặt ở thửa đất số 192. Ngày 12/11/2023, tôi thấy bà Hồ Thị P1 đăng tải video quay đám cưới của con bà P1 tại thị trấn Phú Thiện nên tôi đã chia sẽ video trên của gia đình bà P1 trên trang cá nhân của T kèm theo nội dung: "Đám cưới này to như thế này là nhờ tiền xương máu một tỉ bạc của tôi nè mọi người lừa tôi bán đất rồi không ký không trả tiền lại cướp đây nè mọi người". Đến cuối tháng 12/2023, tôi tự gỡ bỏ tất cả các bài đăng nêu trên liên quan đến bà P1.

Biên bản lấy lời khai Trần Thị T ngày 19/4/2024 (BL 229) khai: Tôi xác nhận sau khi đăng tải các bài viết có nội dung hình ảnh, video liên quan đến gia đình bà Hồ Thị P1 từ ngày 19/7/2023 cho đến tháng 12/2023 trên mạng xã hội Facebook bằng tài khoản "Tâm Phát" như đã khai báo trước đây tại Cơ quan công an thì vào tháng 12/2023, tôi đã tự nguyện tháo gỡ các bài viết nêu trên. Đến ngày 15/3/2023, tôi phát hiện trên mạng xã hội Facebook có tài khoản mang tên "Anh Thu Nguyen" đăng tải các bài viết và đính kèm hình ảnh của tôi có nội dung xúc phạm tôi liên quan đến giao dịch mua bán quyền sử dụng đất của thửa đất số 192, nên tôi cho rằng chỉ có bà Hồ Thị P1 là người tạo lập và đăng tải bài viết trên xúc phạm tôi, nên vào khoảng 17 giờ 51 phút ngày 18/3/2024, tôi sử dụng tài khoản Facebook mang tên "Tâm Phát" đã đăng nhập sử dụng trên điện thoại di động Vivo Y55 để đăng tải bài viết với nội dung "Cả nhà hãy tránh ra lô đất này nhé T đã đặt cọc 1tỷ. Không ký không trả cọc này giờ đang lừa nhiều người để bán lấy tiền nữa nè dính vô là mất tiền đó cả nhà nhé. Đi kiện thua bây giờ làm càn" kèm theo đó là hình ảnh cá nhân P1 đang mặc quần áo màu trắng đang đứng cạnh lô đất tại Khu quy hoạch suối Hội Phú và hình ảnh bìa đất của thửa đất cùng hợp đồng đặt cọc giữa tôi và bà P1.

Biên bản lấy lời khai Trần Thị T ngày 06/5/2024 (BL 231) khai: Tôi xác nhận việc đăng các bài viết liên quan đến bà P1 là do bà P1 chiếm đoạt tiền cọc của tôi, nên tôi đăng để buộc bà P1 trả tiền cho tôi và để những người khác thấy bài viết này sẽ không ký kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà P1 đối với thửa đất trên.

Biên bản lấy lời khai Trần Thị T ngày 19/9/2024 (BL 233) khai: Tôi xác nhận từ trước đến nay tôi chỉ sử dụng duy nhất tài khoản Facebook "Tâm Phát" do tôi tạo lập bằng số điện thoại của tôi, ngoài ra không có ai khác sử dụng tài khoản Facebook này. Tài khoản Facebook "Tâm Phát" hiện nay của tôi vẫn đang hoạt động bình thường dưới sự quản lý, sử dụng của tôi. Tuy nhiên hiện nay tài khoản Facebook "Tâm Phát" đã để chế độ bảo vệ trang cá nhân.

Biên bản lấy lời khai Trần Thị T ngày 19/9/2024 (BL 234) khai: Tôi xác nhận đã lấy một số hình ảnh cá nhân của bà P1 mặc quần áo thun dài tay màu trắng, cùng những người đi cùng với bà P1 đến lấy container của tôi trên thửa đất số 192 từ trang Facebook của người khác rồi đăng tải trên tài khoản Facebook "Tâm Phát" của tôi kèm với 03 (ba) bài viết có nội dung:

"Gấp gấp bà Hồ Thị P1 ở tổ 8 Phú Thiện Pleiku Gia Lai với 1nhom người có học. Ls nhà báo. Vệ sỉ,, báo Pháp luật Việt nam. đã ăn cướp hai cái container của bà T với hai cái dù to và một mái che để bán cà phê 20 cái cây và dụng cụ để bán cà phê tất cả trong hai container đã thuê một nhóm người ăn cướp giữa ban ngày thuê một giàn bảo vệ từ Đắk Lắk sang ăn cướp thẳng luôn, giờ nhờ cơ quan ban ngành ở thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai bắt tội phạm. Tất cả mọi người đừng mua lô đất đó nha đang tranh chấp với tôi nên là mua là bước vào vòng lao lý đấy nên mọi người đừng có vướng nhé"

"Đi ăn trộn có tổ chức. Cướp của tôi ở Gia Lai đưa qua Đắk Lắk để tẩu tán tài sản của tôi, Cứ bắt được người ăn cướp là đăng lên mạng ai làm được gì. Chỉ có được thưởng) Bắt được người phụ nữ này ăn trộm rồi nha cả nhà rồi nhé đó là bà Hồ thì P1) (bà hồ thị p1 mặc áo rằn ri, cùng nhóm người có học mà ko có đạo Đức đi ăn cúop) bà này chuyên bắt nạt dân phú Thiện,,, cướp hai công-tainer trị giá 131 triệu hai cây dù 8 triệu 2 cây xương rồng to trị giá 8 triệu và 18 cây cảnh trị giá 10 triệu cộng với tất cả đồ trong container trị giá 30 triệu cộng với một giàn sắt trị giá 53 triệu. Hai bảng hiệu 10 tr, cái này thì khung Hơi đậm".

"Đoàn ăn cướp đã thành công .,, với bà hồ thị p1 tổ 8 Phú Thiện, đội ăn cướp hoành tráng quá. Và tiếp theo sẽ là lá là là. Người ta nói mà làm ăn lương thiện Có Đức Mặc sức mà ăn em ơi em ơi em ăn cướp thì một ngày nào đó cây xăng em cũng không còn mà biệt thự em cũng không còn em à em nhớ nhé. Câu nói này giờ chắc em cũng ngậm với chứ Chẳng lẽ em không biết cái gì cả rồi em phải làm cả làm bừa nữa em. bởi vì những cái hư vô đó Những cái cướp giật đó nó không bền Em biết không luật nhân quả không chừa một ai"

T xác nhận mục đích của việc đăng tải trên là do T bức xúc việc bà P1 đã làm sự việc nêu trên, vi phạm hợp đồng đặt cọc trước đó giữa Tâm và bà P1 liên quan thửa đất số 192 mà còn lấy không số tiền cọc 01 tỷ đồng mà T đã đặt cọc cho bà P1 để thực hiện mua bán thửa đất trên, T đăng tải các bài viết trên để mọi người trong hội bất động sản biết, không thực hiện giao dịch chuyển nhượng liên quan đến lô đất 192.

Biên bản hỏi cung bị can Trần Thị T ngày 25/4/2025 (BL 237) có sự tham gia của người bào chữa cho bị cáo - Luật sư Mai Chí Đ: Hiện nay tôi đang sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook mang tên "Tâm Phát", bằng số điện thoại di động đăng ký là "098.5525.027" hoặc số "0373.185.959", lập trước năm 2023, tài khoản này do con gái tôi tên Lê Thị Thanh H tạo lập cho tôi. Tôi đăng nhập tài khoản này trên điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y55 và điện thoại Samsung, cả 2 điện thoại này hiện nay đều được cơ quan công an tạm giữ để phục vụ điều tra.

Tôi sử dụng điện thoại cá nhân của tôi nêu trên có kết nối với mạng Internet, mạng 4G trên máy điện thoại của tôi đăng tải các bài viết liên quan đến bà Hồ Thị P1 với các nội dung "Ngang nhiên cướp tài sản, Trộm cắp tài sản", còn nội dung "Cướp của tôi 01 tỷ" thì không rõ có hay không, kèm theo đó là các hình ảnh cá nhân của bà Hồ Thị P1 tôi tải về từ trang cá nhân của bà Hồ Thị P1, các Video hình ảnh của bà P1 cùng luật sư của bà P1 trên thửa đất 192. Các bài đăng tải này được tôi đăng 02 đến 03 bài viết trên mạng xã hội Facebook và đăng tải các bài biết trên vào các hội nhóm bất động sản. Bài cuối cùng liên quan đến bà P1 là khoảng tháng 9/2024.

Bị cáo T xác nhận: Tài khoản Facebook "Tâm Phát" được tôi sử dụng hình đại diện của tôi mặc quân phục quân đội nhân dân, sử dụng điện thoại di động hiệu Vivo Y55 và sau là Samsung, đăng chủ yếu trên các hội nhóm bất động sản, mục đích đăng là để tố cáo bà Phụng chiếm đoạt tài sản để trả lại tiền cọc cho tôi và chia sẽ để những người khác biết việc bà Phụng lừa đảo để không giao dịch với bà P1. Thời gian đăng bắt đầu từ năm 2023. Sau khi đăng, tôi tiếp tục chia sẻ, bình luận vào các bài đăng trên, nội dung chủ yếu đề cập việc bà P1 cướp số tiền cọc 1 tỷ đồng của tôi. Tài khoản Facebook "Tâm Phát" trên của tôi từng bị người khác chiếm quyền sử dụng nhiều lần sau khi tôi đăng tải các bài viết có liên quan đến bà Hồ Thị P1 vào khoảng năm 2023, tôi đã lấy lại được tài khoản Facebook trên và sử dụng cho đến thời điểm bị cơ quan công an bắt. Đối với những bài viết có liên quan đến bà Hồ Thị P1 hoàn toàn là do ý chí của một mình tôi (T) thực hiện, ngoài ra không có ai khác đăng tải các bài viết.

Đối chiếu lời khai của bị cáo phù hợp với các Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại lập đã được trưng cầu giám định, quan hệ đặt cọc giữa bị cáo với bị hại và dữ liệu điện tử được trích xuất tại tất cả các Vi bằng này đều ghi nhận tài khoản đăng tải bài viết mang tên "Tâm Phát" có cùng duy nhất một mã định danh ID: 100082724976846 và có chung hình ảnh đại diện (avatar) phụ nữ mặc quân phục Quân đội chính là hình ảnh của bị cáo T.

[1.1.5] Đối với Hồ Thị P1, Facebook mang tên "Tâm Phát" với hình ảnh của T trong trang phục Quân đội nhân dân Việt Nam, tài khoản có 3.527 - bạn bè và 1.215 người theo dõi, đăng tải bài viết vào các nhóm "Nhà Đất Phú Thiện, Mua bán ký gửi BĐS Đak Đoa - Gia Lai, Mua bán môi giới nhà đất Gia Lai, Chợ mua bán nhà đất – BĐS Sài Gòn, Mua bán BĐS Sài Gòn, Mua bán nhà đất Hà nội HCM và Đồng Nai, Mua bán đồ chơi, phụ kiện – linh kiện xe đạp thể thao, Chợ Phú Thiện, Bất động sản Gia Lai, Hội Đầu tư BĐS Sài Gòn, Hội đầu tư BĐS Sài Gòn" các bài viết có nội dung liên quan đến việc bà P1 lừa đảo, cướp tiền của T, kèm theo hình ảnh của bà P1, video đám cưới của anh Hồ Xuân N -là con bà P1 và Thông báo về việc trả lời đơn số 1083/TB-CSHS của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai (Có sai sót và đã hết hiệu lực) các bài viết được chia sẻ trên mạng xã hội từ 01 đến 52 lượt chia sẻ, từ 52 đến 72 lượt thích, từ 18 đến 88 lượt bình luận tiêu cực xâm phạm đến quyền sở hữu sử dụng đất, quyền bất khả xâm phạm về danh dự, uy tín của cá nhân bà Hồ Thị P1.

Đối với Nguyễn Thị H7, các bài viết của T được chia sẻ trên mạng xã hội từ 32 đến 1864 lượt thích, từ 10 đến 37 lượt bình luận tiêu cực, từ 14 đến 78 lượt

chia sẻ trên mạng xã hội trong nhiều hội nhóm khác nhau như "Mua bán BĐS Sài Gòn, Hội Đầu tư BĐS Sài Gòn, Mua bán môi giới nhà đất Gia Lai" với nhiều lượt bình luận tiêu cực.

[1.1.6] Kết quả trưng cầu giám định:

- Tại Kết luận giám định số 1617 ngày 29/8/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai, kết luận: "Đối với việc tranh chấp Hợp đồng đặt cọc, công chứng ngày 23/4/2023 giữa bà Trần Thị T và bà Hồ Thị P1: Dựa trên các tài liệu kèm theo Quyết định trưng cầu giám định và theo Thông báo số 1083/TB-CSHS ngày 16/6/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai về việc trả lời đơn và Thông báo số 1337/TB-VPCQCSĐT-Đ2 ngày 26/10/2023 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai về việc trả lời đơn: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra. Đề nghị bà Trần Thị T gửi đơn đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để được hướng dẫn giải quyết. Như vậy, đến nay Cơ quan điều tra không có văn bản nào cho rằng việc tranh chấp Hợp đồng đặt cọc, công chứng ngày 23/4/2023 giữa bà Trần Thị T và bà Hồ Thị P1 là vụ việc lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên bà Trần Thị T đã sử dụng trái phép hình ảnh cá nhân của bà Hồ Thị P1 để đăng tải, chia sẻ vào nhiều hội, nhóm trên mạng xã hội Facebook, cùng nhiều nội dung về bà Hồ Thị P1, như: "ngu như bò, lừa đảo, chuyên lừa đảo, ăn cướp, cướp 1 tỷ" là xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị P1".

- Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 1773 ngày 20/9/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai, kết luận: "Việc tranh chấp Hợp đồng đặt cọc ngày 05/5/2023 giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị H7: Dựa trên các tài liệu kèm theo Quyết định trưng cầu giám định và theo Thông báo số 356/TB-VPCQCSĐT ngày 05/3/2023 của Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai về việc trả lại đơn và Công văn số 753/VPCQCSĐT-Đ2 ngày 15/5/2024 của Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai về việc cung cấp thông tin liên quan đến kết quả xử lý đơn bà Trần Thị T: Đây là quan hệ dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Công an, đề nghị bà Trần Thị T gửi đơn đến TAND có thẩm quyền để được giải quyết. Như vậy, đến nay Cơ quan điều tra không có văn bản nào cho rằng việc tranh chấp Hợp đồng đặt cọc ngày 05/5/2023 giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị H7 là vụ việc cướp, chiếm đoạt tài sản (cướp 5 tỷ tiền chồng đất). Tuy nhiên bà Trần Thị T đã sử dụng trái phép hình ảnh cá nhân của bà Nguyễn Thị H7 để đăng tải, chia sẻ vào nhiều hội, nhóm trên mạng xã hội Facebook, cùng nhiều nội dung về bà Nguyễn Thị H7, như: "Mặt này cướp cướp nhà đất; cướp 5 tỷ tiền chồng đất rồi bỏ trốn; H7 lừa đảo; chiếm đoạt tài sản" là xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H7.

- Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 16/10/2025 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai, kết luận: "Các bài viết ngày 14/6/2024, 29/7/2024 và 17/8/2024 do T đăng tải trên tài khoản Facebook Tâm Phát có việc sử dụng hình ảnh cá nhân và một số từ ngữ mang tính chất thóa mạ được đăng tải, chia sẻ trên mạng xã hội, không phù hợp với chuẩn mực đạo đức về hành vi, ứng xử

trên mạng xã hội được ban hành kèm theo Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ TTTT về ban hành bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội".

[1.1.7] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trần Thị T chính là chủ thể sử dụng tài khoản Facebook "Tâm Phát" đăng nhập bằng số điện thoại 0985525027, ID: 100082724976846, ảnh đại diện là người phụ nữ mặc quân phục quân đội, trong khoảng thời gian từ ngày 19/7/2023 đến ngày 17/8/2024, đã đăng tải, phát tán trên mạng xã hội Facebook nhiều bài viết kèm theo hình ảnh cá nhân của bị hại Hồ Thị P1, Nguyễn Thị H7 sử dụng những từ ngữ mang tính chất thóa mạ, không phù hợp với chuẩn mực đạo đức về hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà P1 và bà H7 là có cơ sở.

Hành vi vượt quá quyền tự do ngôn luận của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân" theo quy định tại khoản 1 Điều 331 Bộ luật Hình sự là có cơ sở.

Lời phủ nhận tại tòa của bị cáo và quan điểm gỡ tội của người bào chữa không có cơ sở, không phù hợp tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được đánh giá tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[1.2] Đối với tội "Giữ người trái pháp luật".

[1.2.1]. Xuất phát từ việc tranh chấp đất đai giữa vợ chồng bị cáo Lê Hữu T1, Trần Thị T với ông Đỗ Bách K. Khoảng 09 giờ ngày 25/01/2025, ông Đỗ Bách K cùng ông Nguyễn Duy T2 (người thuê đất của ông Khoa), ông Phạm H4 (Trưởng Văn phòng Thừa phát lại Phạm Hùng) và các nhân viên của Văn phòng Thừa phát lại đến cụm bốn thửa đất số 81, 82, 84 và 86, tờ bản đồ số 79, tọa lạc tại phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai để kiểm tra, ghi nhận hiện trạng đất và nhà ở. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, ông Phạm H4 và các nhân viên Văn phòng Thừa phát lại ra về, riêng ông Đỗ Bách K và ông Nguyễn Duy T2 ở lại thực địa. Thấy ông K và ông T2 không rời đi, bị cáo T1 tuyên bố: *"Nếu ông không ra thì tôi khóa cổng"*, rồi ngay lập tức lấy chìa khóa mang sẵn trong người khóa chặt cổng sắt ra vào duy nhất của thửa đất. Sau đó, ông Trần Danh N1 (người quen của các bị cáo có mặt tại thửa đất) điện thoại báo cho bị cáo Trần Thị T biết sự việc, bị cáo T gọi điện báo cho ông Nguyễn Tá K1 (người thuê đất của các bị cáo) đến phối hợp giải quyết; đồng thời, bị cáo T liên lạc đến Tổng đài Cảnh sát 113 thuộc Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Gia Lai, thông báo thông tin sai sự thật là có nhóm người đến đất của mình gây rối, tấn công. Tiếp nhận tin báo, lực lượng Cảnh sát 113 đã chuyển thông tin vụ việc đến trực ban Công an phường H. Lãnh đạo Công an phường H đã phân công tổ công tác gồm Trung tá Nguyễn Trà V (Phó trưởng Công an phường) và Thiếu úy Trịnh Đăng T3 (Cán bộ Công an phường) mặc sắc phục Cảnh sát nhân dân, đeo quân hàm đúng quy định đến hiện trường để kiểm tra, giải quyết. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác Công an phường H đến trước khu đất thì gặp

ông Trần Văn C (Tổ trưởng Tổ dân phố 6, phường H) do ông K mời đến chứng kiến sự việc từ trước. Nhận thấy cổng sắt bị khóa, Trung tá Nguyễn Trà V yêu cầu mở cổng thì bị cáo Lê Hữu T1 lấy chìa khóa ra mở để hai cán bộ Công an và ông Tổ trưởng dân phố vào bên trong làm việc. Khoảng 10 phút sau, bị cáo Trần Thị T và ông Nguyễn Tá K1 cùng đến. Giữa bị cáo T, ông K và ông T2 tiếp tục xảy ra tranh cãi gay gắt về quyền sử dụng đất hợp pháp. Ông Nguyễn Tá K1 nói với bị cáo T1 nếu không đuổi được những người này ra ngoài thì khóa cổng lại để tránh việc người khác vào gây ồn ào, mất mát tài sản của mình. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, ông K1 điều khiển xe mô tô ra về, bị cáo T1 đi theo sau để mở cổng, nhưng ngay sau khi ông K1 ra ngoài, T1 liền dùng chìa khóa khóa chặt cổng ra vào một lần nữa. Khóa cổng xong, T1 vào khu vực bếp thông báo cho bị cáo T biết việc đã khóa cổng. Thời điểm bị cáo T1 khóa cổng sắt ra vào của thửa đất lần thứ hai, trên đất có ông Đỗ Bách K, ông Nguyễn Duy T2, ông Nguyễn Trà V, ông Trịnh Đăng T3 và ông Trần Văn C đang làm việc trong khu đất trên. Bị cáo T biết sự việc này nhưng đồng tình và không có ý kiến gì. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ công tác Cảnh sát 113 gồm Thiếu tá Lê Thanh B và Đại úy Đinh Xuân Q mặc quân phục, đi xe mô tô đặc chủng đến làm việc và yêu cầu mở khoá để vào làm việc nhưng các bị cáo không mở cổng cho cả tổ vào làm việc. Sau đó, Trung tá Nguyễn Trà V, ông Nguyễn Duy T2, ông Trần Danh N1 đã nhiều lần giải thích, vận động, yêu cầu hai bị cáo mở cổng để những người bên trong đi ra và để lực lượng chức năng vào làm việc, nhưng các bị cáo không thực hiện.

Do yêu cầu các bị cáo mở cổng không được, Trung tá Nguyễn Trà V đã điện thoại báo cáo khẩn cấp cho Trưởng Công an phường H. Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, lực lượng Công an thành phố Pleiku có mặt tại hiện trường, dùng loa chuyên dụng liên tục giải thích, vận động, thuyết phục và ra lệnh yêu cầu mở cổng, nhưng hai bị cáo Trần Thị T và Lê Hữu T1 vẫn cố tình cố thủ, không chấp hành. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, lực lượng Công an thành phố Pleiku đã tiến hành cắt phá khóa cổng sắt, tiến vào bên trong lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Hữu T1 và Trần Thị T về hành vi giữ người trái pháp luật.

Xét hành vi của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Lê Hữu T1: Tại Biên bản lấy lời khai của bị cáo Lê Hữu T1 ngày 05/02/2025, 09/4/2025 (BL 1492, 1495) bị cáo đã thừa nhận bị cáo là người dùng chìa khoá khoá hai ổ khoá cùng xích sắt khoá cổng ra vào; khi lực lượng công an đến vận động bị cáo và vợ là bị cáo T ra mở cửa nhưng các bị cáo không đồng ý. Ông Nguyễn Trà V là Công an phường yêu cầu bị cáo mở cổng nhưng bị cáo không chấp hành vì không tin tưởng ai. Thời gian bị cáo khoá cổng là từ 11 giờ đến 14 giờ, trong khoảng thời gian này lực lượng chức năng đã nhiều lần vận động và ông V là Công an phường yêu cầu bị cáo mở cổng nhưng bị cáo không mở, nên lực lượng chức năng phá khoá cổng. Tại Biên bản lấy lời khai ông Trần Danh N1 ngày 05/3/2025 (BL 1543) khai: Ông thấy ông T1 là người khoá cổng; khi ông V - Công an phường yêu cầu ông T1, bà T mở cổng nhưng ông T1, bà T không chấp hành thì ông V đã nói với ông vận động ông T1 bà T mở cửa, nên ông đã nói nhưng ông T1 bà T không đồng ý mà lấy lý do ông

K1 khoá cửa giữ chìa khoá. Sau đó công an thành phố Pleiku đến dùng loa vận động mở khoá nhưng không được nên đã phá khoá vào làm việc thì ông T1 bà T khai báo là ông K1 khoá cổng cầm chìa khoá đi nhưng thực tế là ông T1 khoá và giữ chìa khoá. Tại phiên tòa, các bị cáo T1, T và ông N1 xác nhận khi ông K1 ra về thì bị cáo T1 đã khóa cổng.

Như vậy, có căn cứ xác định bị cáo Thống là người trực tiếp khoá cổng và giữ chìa khoá; ông V - công an phường là người ở trong thửa đất bị khóa cổng và cơ quan chức năng nhiều lần yêu cầu mở cổng để những người bên trong đi ra và lực lượng chức năng vào làm việc nhưng bị cáo T1 không chấp hành.

- Đối với bị cáo Trần Thị T:

Tại biên bản lấy lời khai của bị cáo Lê Hữu T1 ngày 16/5/2025 (BL 1505): Sau khi Công an thành phố Pleiku đến vận động mở cổng thì bị cáo lấy chìa khoá có ý định ra mở cổng nhưng bị cáo T có nói "đừng có ra mở cổng". Sau khi công an vừa đập khoá cổng, chưa vào trong thì bà T nói "đưa chìa khoá đây", bị cáo lấy chìa khoá đưa cho bà T thì bà T bỏ vào túi áo của bà T đang mặc trên người. Tại Biên bản lấy lời khai của bị cáo Trần Thị T ngày 05/02/2025 (BL 1476) bị cáo T khai nhận khi bị cáo T1 đóng cửa cổng thì đồng chí V Công an phường khuyên bị cáo và bị cáo T1 mở cửa cho mọi người đi ra ngoài nhưng bị cáo nói ông K1 là người khoá cửa. Sau đó bị cáo gọi điện cho ông K1 yêu cầu không được mở cổng và bị cáo gọi cho Luật sư Đinh Viết D1 thì ông D1 cũng nói không được mở cổng. Đến 14 giờ, bị cáo thấy có nhiều cán bộ công an đến giải quyết vụ việc và yêu cầu mở cửa nhiều lần nhưng vì ông K1 và ông D1 không cho nên các bị cáo không mở cổng, sau đó cơ quan chức năng phá khoá vào làm việc. Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Tá K1 ngày 19/3/2025 (BL 1523): Vào khoảng 11 giờ ngày 25/01/2025 khi ông đang ở nhà thì nhận cuộc gọi của bà T qua ứng dụng Zalo, bà T nói "Đã khoá cổng rồi, có ai gọi thì đừng có mở cửa". Một lúc sau bà T tiếp tục gọi lần thứ hai nói lại nội dung yêu cầu ông không được sang mở cổng.

Như vậy, có căn cứ xác định mặc dù bị cáo T không trực tiếp khoá cổng nhưng bị cáo biết việc bị cáo T1 khoá cổng và đồng tình với việc này. Khi được cơ quan chức năng yêu cầu mở cổng thì bị cáo không đồng ý và yêu cầu bị cáo T1 và ông Nguyễn Tá K1 là những người đang giữ chìa khoá cổng không được mở cửa.

[1.2.2]. Cụm các thửa đất số 81, 82, 84 và 86 liền kề thành một khuôn viên thống nhất. Ranh giới bên trái, bên phải và phía sau các thửa đất tiếp giáp với các thửa đất liền kề, được xây tường và rào bằng kẽm gai, mặt trước của các thửa đất (tiếp giáp đường L) được xây tường gạch và khung sắt, có cổng bằng sắt để ra vào.

Tại Biên bản lấy lời khai của ông Huỳnh Văn H vào ngày 03/7/2025 (BL 2415) thể hiện nội dung ông là chủ sở hữu thửa đất giáp ranh khu đất trên, ranh giới hai thửa đất được ông xây tường rào bao quanh nên không có lối đi lại với nhau; từ trước đến nay cũng không có ai đi qua lại được hai khu đất để ra ngoài đường và ông cũng không cho ai qua lại đất của ông để ra ngoài đường.

Tại Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn B vào ngày 03/7/2025 (BL 2417) thể hiện nội dung thửa đất của ông giáp ranh phía sau của khu đất trên, ranh giới của hai thửa đất là hàng rào lưới B40, cao 1,2m, còn phía trước đất của ông là tường rào bê tông cao 1,5m; giữa hai thửa đất không có lối đi qua lại với nhau; từ trước đến nay cũng không có ai qua lại được hai khu vực đất để đi ra ngoài và ông cũng không cho ai qua lại đất của ông để ra ngoài đường.

Tại Biên bản lấy lời khai của ông Lưu Đức M vào ngày 21/4/2025 (BL 1628,1629): Ông là người thuê các thửa đất trên của bà Nguyễn Thị H7 từ năm 2013 đến năm 2023 thì ông thuê đất của ông T bên cạnh các thửa đất trên. Các thửa đất nêu trên có tường rào và cổng cao phía trước giáp đường Lê Thánh Tôn, một bên đất giáp với gara xe ô tô cũng có tường rào bao quanh, một bên đất giáp với đất của ông Tiến (hiện do ông thuê) có rào bằng lưới B40 kín đến hết đất, mặt sau đất giáp với mương nước đến suối và giáp với rẫy đất của người dân ông không quen biết. Ngoài lối đi ở trước cổng thì không có lối đi nào khác ra vào đất, nếu không muốn qua cổng thì phải trèo tường để ra vào thửa đất.

Tại Biên bản lấy lời khai của ông Lê Thanh B là Cán bộ Đội Cảnh sát phản ứng nhanh Công an tỉnh Gia Lai (Đội 113) ngày 19/4/2025: Tại thời điểm đến hiện trường thì ông thấy bên trong mọi người đều tập trung trước cổng cao khoảng hơn 03m, phía hai bên được rào kín bằng tường rào cao hơn 02m có móc sắt, hai bên đều giáp với nhà dân có tường rào bao quanh.Việc thửa đất có lối đi khác không thì ông không biết.

Tại phiên toà, các bị cáo cho rằng ngoài lối đi ra cổng bị khoá thì thửa đất còn có lối đi khác nhưng các bị cáo xác nhận không chỉ lối đi này cho những người ở bên trong thửa đất để đi ra ra ngoài.

Như vậy, có căn cứ xác định thời điểm các bị cáo khóa cổng thì lối ra duy nhất của thửa đất trên là cổng sắt tiếp giáp với đường Lê Thánh Tôn mà bị cáo T1 đã khoá.

[1.2.3]. Mặc dù cụm các thửa đất số 81, 82, 84 và 86 rộng, nhưng việc các bị cáo khoá cổng không mở để những người trong thửa đất đi ra ngoài, những người bị giữ không biết có lối đi khác hay không và nằm trong sự kiểm soát của các bị cáo thì vẫn được xem là nơi giam giữ. Các bị hại muốn rời đi nhưng việc các bị cáo khoá cổng không cho các bị hại ra ngoài là hành vi xâm phạm đến quyền tự do thân thể, tước quyền tự do đi lại của người khác trái pháp luật.

[1.2.4]. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Các bị cáo được cán bộ công an phường và những người khác có mặt tại thửa đất nhiều lần yêu cầu, vận động, thuyết phục mở cổng nhưng không mở. Khi lực lượng Cảnh sát 113 do Thiếu tá Lê Thanh B và Đại úy Đinh Xuân Q mặc quân phục, đi xe đặc chủng đến và yêu cầu mở cổng để tổ công tác vào làm nhiệm các các bị cáo đã có thái độ không hợp tác. Khi Công an thành phố P đến tăng cường, dùng loa yêu cầu mở cổng để giải quyết vụ việc, các bị cáo vẫn giữ thái độ thách thức, không chấp hành, cố ý duy trì tình trạng khóa giữ. Hệ quả là cơ quan Công an đã phải thực hiện biện pháp cưỡng chế, phá khóa cổng để giải cứu các bị hại và bắt người phạm tội quả tang.

Các bị cáo đưa ra lý do không mở cổng là vì "mất chìa khóa", "không giữ chìa khóa", "bên ngoài nhiều người nên không mở cửa để đảm bảo an toàn", HĐXX thấy rằng:

Các bị cáo cho rằng "mất chìa khóa", "không giữ chìa khóa" nhưng khi được lực lượng Cảnh sát 113 gồm ông Lê Thanh B và ông Đinh Xuân Q yêu cầu mở cổng thì bị cáo T chỉ đồng ý mở cổng cho một mình ông B vào và từ chối mở cổng cho tổ công tác, sau đó bỏ vào nhà. Tại Biên bản lấy lời khai của ông Lê Thanh B và ông Đinh Xuân Q ngày 19/4/2025: Khi nhận được thông báo của trực ban yêu cầu xuống hiện trường vụ việc thì ông B và ông Q điều khiển xe đặc chủng, mặc quân phục Cảnh sát nhân dân đến hiện trường thì thấy cổng bị khoá. Ông B yêu cầu bị cáo T mở cửa để Tổ công tác vào làm việc thì bà T trả lời chỉ mở cửa cho một mình ông B vào; ông B giải thích phải mở cửa cho cả Tổ công tác vào làm nhiệm vụ và 03 lần yêu cầu bà T mở cổng nhưng bà T bỏ đi vào trong. Ngoài ra, theo lời khai của ông Nguyễn Tá K1 (là người giữ 01 chìa khoá của cổng bị khoá xích tại hiện trường) thì trong thời gian xảy ra sự việc bị cáo T đã hai lần liên lạc với ông K1 qua ứng dụng zalo yêu cầu ông K1 không được mở cửa.

Các bị cáo cho rằng "bên ngoài nhiều người nên không mở cửa để đảm bảo an toàn": Tại Biên bản lấy lời khai của ông Lê Thanh B ngày 19/4/2025 thể hiện khi Tổ công tác 113 đến thì ngoài cổng có khoảng 06-07 người đứng cầm điện thoại, những người nay không la hét hay to tiếng gì mà chỉ đứng nhìn vào bên trong, sau đó rời đi. Thời điểm Tổ công tác làm nhiệm vụ thì không có sự việc mất an ninh trật tự gì ngoài cổng. Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Ngọc T vào ngày 19/5/2025 (BL 1631) thể hiện thời điểm 11 giờ ngày 25/01/2025 bà thấy trước cổng có khoảng 05 - 07 người, chỉ đứng nhìn vào trong, không có ai gây rối hay mất an ninh trật tự. Biên bản lấy lời khai ông Trần Văn L ngày 20/5/2026 (là người đầu tư trồng bắp cho ông Nguyễn Tá K1 tại thửa đất trên) và Biên bản lấy lời khai ông Trương Thanh T ngày 27/5/2026 (là người làm vườn cho ông Lâm): Khi đến thửa đất khoảng 11 giờ thì thấy có khoảng 10 người (trong đó có lực lượng công an) đứng ở cổng, những người này là người dân hiếu kỳ đến xem rồi bỏ đi, ông ai ồn ào, không mang theo hung khí hay gây mất trật tự gì.

Như vậy, việc các bị cáo lấy các lý do trên để không mở cổng là không có căn cứ, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, mâu thuẫn với diễn biến thực tế khách quan tại hiện trường. Đây là lý do nhằm biện minh, chống chế cho hành vi của các bị cáo. Do đó, HĐXX không chấp nhận lời trình bày này của các bị cáo.

[1.2.5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Các bị cáo Lê Hữu T1, Trần Thị T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi khóa cổng, giữ chìa khóa và không mở khóa cho 05 bị hại (trong đó có ông Nguyễn Trà V - Phó trưởng Công an phường H, ông Trịnh Đăng T3 - Cán bộ Công an phường H) đang ở trong thửa đất được đi ra ngoài là trực tiếp xâm phạm quyền tự do thân thể, quyền tự do đi lại của người khác trái pháp luật. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi

cố ý trực tiếp. Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Giữ người trái pháp luật" theo điểm c, đ khoản 2 Điều 157 của BLHS là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2] Về quyết định hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, danh dự, nhân phẩm của cá nhân mà còn trực tiếp tước đoạt quyền tự do thân thể của công dân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ. Hành vi này gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, thách thức tính nghiêm minh của pháp luật. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Trần Thị T: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Thị T không thừa nhận hành vi phạm tội, luôn quanh co, phủ nhận các chứng cứ số khách quan và trốn tránh trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần Thị T không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Lê Hữu T1:

Trong giai đoạn đầu của phiên tòa, bị cáo Lê Hữu T1 đã có thái độ hợp tác, khai báo rõ ràng về diễn biến sự việc khóa cổng tại hiện trường. Tuy nhiên, trong các phiên tòa tiếp theo, bị cáo đã thay đổi lời khai, chuyển sang hướng quanh co, kêu oan và không thừa nhận bản chất hành vi sai phạm của mình. Do đó, HĐXX xét thấy bị cáo chưa thực sự thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên không có cơ sở cho bị cáo áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, xét về nhân thân và quá trình cống hiến trong công tác của bị cáo Lê Hữu T1, HĐXX nhận thấy: Bị cáo là người có thời gian dài phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân và tổ chức công đoàn, có nhiều đóng góp thiết thực cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương, cụ thể: Bị cáo được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba; được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng thưởng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam; được tặng thưởng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua quyết thắng các năm 2000, 03 năm (2000 - 2002). Đây là những hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương, chứng minh bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác. Do đó, bị cáo Lê Hữu T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra, bị cáo Lê Hữu T1 còn được Giám đốc Công an tỉnh Gia Lai tặng Giấy khen ngày 22/8/2000 vì đã có thành tích tốt trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; được tặng nhiều Giấy khen của các cơ quan, đơn vị, tổ chức công đoàn vì

có thành tích tốt trong phong trào thi đua quyết thắng và hoạt động công đoàn vào các năm 1999, 2000, 2002, 2004, 2008. Đối chiếu với hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX ghi nhận các Giấy khen này làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Về mức hình phạt:

[2.3.1] Đối với bị cáo Trần Thị T:

Bị cáo phạm nhiều tội, trong đó có tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xúc phạm, bôi nhọ người khác trên không gian mạng đã ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của cá nhân và tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Đối với tội "Giữ người trái pháp luật", HĐXX xác định bị cáo T giữ vai trò chính, có tính chất chỉ đạo, quyết liệt trong việc duy trì hành vi phạm tội nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Lê Hữu T1.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không thành khẩn khai báo, quanh co chối tội và không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân"; Xử phạt bị cáo Trần Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật". Buộc bị cáo Trần Thị T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/01/2025 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3.2] Đối với bị cáo Lê Hữu T1:

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T1 tham gia vụ án với vai trò là người thực hành, giúp sức cho bị cáo Trần Thị T thực hiện hành vi "Giữ người trái pháp luật". Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T1 tham gia với vai trò phụ thuộc, làm theo sự tác động và chỉ đạo của bị cáo T; không phải là người khởi xướng, cầm đầu hay giữ vai trò quyết định trong việc thực hiện tội phạm.

Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong quá trình công tác và phục vụ trong lực lượng vũ trang; được Chủ tịch nước tặng thưởng nhiều Huy chương Chiến sĩ vẻ vang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng Kỷ niệm chương cùng nhiều Bằng khen, Giấy khen của các cơ quan, tổ chức. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mặc dù bị cáo không thành khẩn khai báo, song xét vai trò thứ yếu hơn so với bị cáo T, cùng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, HĐXX thấy không cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương đương bị cáo Trần Thị T mà áp dụng

mức hình phạt thấp hơn trong cùng tội danh cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Hữu T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/01/2025 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3.3] Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án đồng phạm; nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, HĐXX không có cơ sở chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Thị T, Lê Hữu T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Bị hại Hồ Thị P1 không phải chịu.

[4] Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Lê Hữu T1 và bị hại Hồ Thị P1; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Người bào chữa cho các bị cáo và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại Hồ Thị P1 đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 331; các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự và điểm c, đ khoản 2 Điều 157; các Điều 17, 38, 50, 58, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị T.

Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 157; điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Hữu T1

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Lê Hữu T1.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Hồ Thị P1

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 85/2026/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

2. Đối với bị cáo Trần Thị T:

2.1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội: "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân" và tội "Giữ người trái pháp luật".

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân". Xử phạt bị cáo Trần Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/01/2025.

3. Đối với Bị cáo Lê Hữu T1:

3.1. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T1 phạm tội "Giữ người trái pháp luật".

3.2. Xử phạt bị cáo Lê Hữu T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/01/2025.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Trần Thị T, bị cáo Lê Hữu T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4.2. Bị hại Hồ Thị P1 không phải chịu.

5. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam số 02 CA tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 7 - Gia Lai;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng GĐ, KT, TT và THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Hồng Thu